

PHẦN 2. ĐỊA LÝ KHU VỰC VÀ QUỐC GIA
Tiết 9, 10, 11 - Bài 6: VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN,
DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI KHU VỰC MỸ LA-TINH (03 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lý và một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế xã hội.
- Trình bày được vấn đề đô thị hóa một số vấn đề về dân cư xã hội và phân tích ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xã hội.

2. Về năng lực

❖ Năng lực chung:

- Tự học tự chủ:
 - Chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
 - Đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập; hình thành cách học riêng của bản thân; tìm kiếm, lựa chọn nguồn tài liệu phù hợp.
 - Ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết.
- Giao tiếp hợp tác:
 - Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và đề thảo luận, lập luận, đánh giá các vấn đề.
 - Biết chủ động trong giao tiếp, tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.
- Sử dụng CNTT và truyền thông: Có thể sử dụng các phương tiện công nghệ để hỗ trợ tìm kiếm thông tin liên quan đến nội dung bài học.

❖ Năng lực địa lý

- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét, phân tích được số liệu tư liệu.
- Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lý khu vực Mỹ Latinh.
- Vẽ được biểu đồ, rút ra nhận xét.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ, trung thực trong học tập, tìm hiểu kiến thức. Có trách nhiệm với các nhiệm vụ học tập của nhóm, của cá nhân.
- Tôn trọng các giải pháp của Chính phủ cũng như tinh thần của người dân các nước Mỹ Latinh trong việc nỗ lực ổn định, vượt qua những khó khăn, giải quyết các vấn đề bất ổn kinh tế - xã hội.
- Nhận thấy những tiềm năng kinh tế to lớn của Mỹ Latinh, liên hệ đến một số vấn đề về kinh tế của Việt Nam, tin tưởng vào chiến lược phát triển đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Bản đồ tự nhiên và bản đồ dân cư khu vực Mỹ Latinh.
- Video/hình ảnh về các lễ hội, các nét văn hóa đặc trưng của các quốc gia Mỹ Latinh.
- Các bảng số liệu, biểu đồ về dân số.
- Phiếu học tập trong các hoạt động.
- Bài trình chiếu

- Trò chơi học tập theo các hoạt động.

2. Học sinh

- Sách giáo khoa và tập ghi bài.
- Thiết bị có thể truy cập Internet, quét mã QR code.

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động/Mở đầu (10 phút)

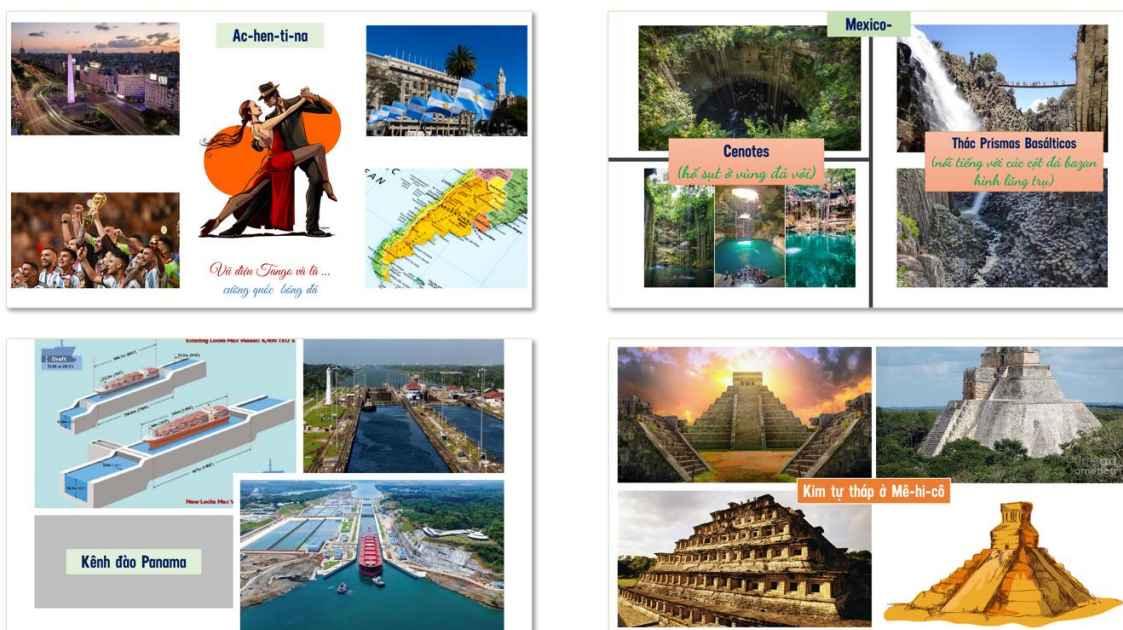
a) Mục tiêu

- Tạo kết nối, kiểm tra kiến thức tích lũy của học sinh với nội dung bài học.
- Khơi gợi sự hứng thú, tính tò mò để học sinh học tập tích cực, sáng tạo hơn.

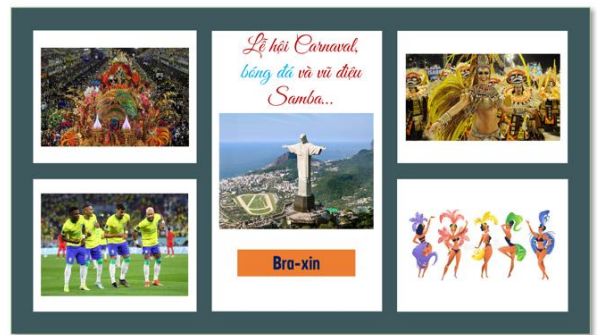
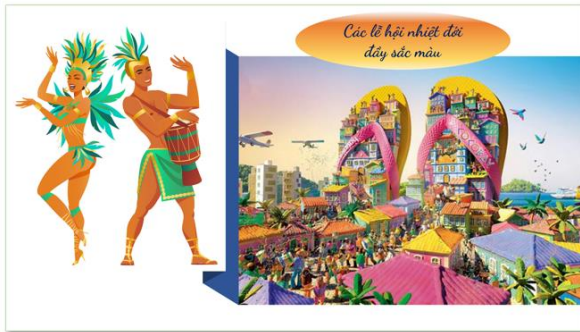
b) Nội dung

- HS quan sát hình ảnh, tham gia thi đua kiến thức với chủ đề “**Khám phá thế giới qua ảnh**”.

(Hình ảnh trình chiếu ban đầu chưa có tên trong ảnh)







c) Sản phẩm

- Tên của từng bức ảnh được trình chiếu – HS ghi ra giấy note.

d) Tổ chức thực hiện

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV dẫn dắt vào nội dung bài học với câu hỏi: **Hôm nay chúng ta sẽ được đến nơi nào trên thế giới?** Sau đó đưa ra yêu cầu, thể lệ thi đua:

+ Màn hình sẽ lần lượt xuất hiện các hình ảnh liên quan đến khu vực hôm nay chúng ta sẽ học, nhiệm vụ của các em là ghi lại tên cho các hình ảnh đó theo hiểu biết cá nhân.

+ 3 học sinh ghi được nhiều tên của các hình ảnh nhất sẽ được ghi điểm.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS ghi lại tên cho các bức ảnh, mỗi hình ảnh sẽ xuất hiện trong 5 giây để các em quan sát và ghi lại tên.

- **Báo cáo, thảo luận:** GV trình chiếu nhanh lại các hình ảnh có kèm tên, HS đổi phiếu chắm chéo nhau để tìm ra 3 bạn cao điểm nhất.
- **Kết luận, nhận định:** Mỹ Latinh là một khu vực thuộc Châu Mỹ bao gồm Mê-hi-cô, eo đất Trung Mỹ, các quốc gia thuộc quần đảo Ca-ri-bê và các nước Nam Mỹ. Người dân nơi đây chủ yếu sử dụng ngôn ngữ có nguồn gốc từ tiếng Latinh. Vùng đất này đầy màu sắc với nền văn hóa đa dạng, quê hương của các điệu nhảy sôi động, của những ông vua bóng đá và vô vàn điều kỳ bí khác, chúng ta sẽ cùng khám phá qua bài học....

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về PHẠM VI LÃNH THỔ VÀ VỊ TRÍ ĐỊA LÍ – 10 PHÚT

a) Mục tiêu

- Xác định được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của Mỹ Latinh.
- Phân tích, giải thích được vì sao vị trí địa lí mang lại cho Mỹ Latinh nhiều thuận lợi cũng gây ra nhiều khó khăn cho sự phát triển kinh tế của khu vực.

b) Nội dung

- Giải đáp các câu hỏi của phiếu học tập với chủ đề “Đi tìm nguyên nhân”.
 1. Thành phần các quốc gia Mỹ Latinh, khu vực này tiếp giáp với những nơi nào trên bản đồ thế giới?
 2. Nhờ vị trí địa lí mà Mỹ Latinh có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, em hãy cho biết những thuận lợi đó nhờ đâu mà có?
 3. Vì sao vị trí địa lí mang lại cho Mỹ Latinh nhiều thuận lợi cũng gây ra nhiều khó khăn cho sự phát triển kinh tế của khu vực?

c) Sản phẩm

- Câu trả lời của học sinh và kiến thức tổng hợp từ giáo viên.

d) Tổ chức thực hiện

- **Chuyên giao nhiệm vụ:** HS chia lớp thành các nhóm 4 thành viên để tham gia hoạt động, mỗi nhóm sẽ nhận một phiếu học tập, trả lời các câu hỏi trên phiếu và điền khuyết cho những nội dung còn trống.

1. Mỹ Latinh bao gồm những quốc gia nào?
2. Vị trí tiếp giáp của khu vực	- Đông: - Bắc: - Tây: - Nam:
3. Nhờ vị trí địa lí mà Mỹ Latinh có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, em hãy cho biết những thuận lợi đó nhờ đâu mà có? (<i>Ghi nguyên nhân tương ứng với các thuận lợi bên dưới</i>) - Kinh tế biển phát triển mạnh. - Giao lưu, hợp tác dễ dàng với các nước trong khu vực và trên thế giới. - Giao thương quốc tế sôi động.	- - -
4. Vì sao vị trí địa lí mang lại cho Mỹ Latinh nhiều thuận lợi cũng gây ra nhiều khó khăn cho sự phát triển kinh tế của khu vực?

- **Thực hiện nhiệm vụ:** các nhóm HS thảo luận, hoàn thành phiếu học tập trong thời gian 5 phút.
- **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi mỗi nhóm trả lời cho một nội dung trong phiếu học tập, đảm bảo tất cả các nhóm đều trả lời 1 nội dung, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV trình chiếu (hoặc cho các nhóm ghi bảng câu trả lời nếu dạy bảng) để tổng hợp kiến thức.

2.2. Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN – 20 PHÚT

a) Mục tiêu

- Khai gợi sự tò mò, vận dụng, kết nối kiến thức đã học để phân tích, làm rõ kiến thức mới.
- Phân tích các đặc điểm tự nhiên của Mỹ La tinh.

b) Nội dung

- Trò chơi: “**Kết nối**”

- Bộ thẻ

1. Địa hình phía tây Mỹ La tinh
2. Dây An-đet
3. Địa hình phía Đông Mỹ La tinh
4. Vùng biển Ca-ri-bê
5. Đặc trưng khí hậu của Mỹ La tinh
6. Vì sao Mỹ La tinh có thể phát triển mạnh nền nông nghiệp nhiệt đới ?
7. Rừng rậm Amazon
8. Sông Amazon
9. Phân bố đất phù sa
10. Phân bố các khoáng sản quan trọng như kim loại đen, kim loại màu

- A. lớn nhất thế giới, chủ yếu ở Bra-xin
- B. gồm các dãy núi và sơn nguyên cao.
- C. Vùng núi An-đet và phía đông nam sơn nguyên Bra-xin
- D. Ở các đồng bằng La Plata, Pam pa, Lanôt, Amazon
- E. Có giá trị lớn về nhiều mặt như giao thông, thủy lợi, thủy điện, du lịch,...
- F. Có điều kiện đất đai, khí hậu thuận lợi
- G. Đa dạng, phân hóa qua nhiều đới, và có nhiều kiểu.
- H. Phát triển mạnh du lịch, nghề cá.
- I. Núi thấp, sơn nguyên và đồng bằng.
- J. Trẻ, cao và đồ sộ bậc nhất thế giới.

c) Sản phẩm

- Bộ thẻ kết nối các nội dung đúng.

- Kiến thức GV tổng hợp, rút gọn từ SGK (GV hướng dẫn học sinh gạch chân các kiến thức trọng tâm để rút ngắn thời gian ghi bài).

d) Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:**

Bước 1: GV yêu cầu cá nhân HS đọc và tóm lược dàn ý các nội dung mục II trong SGK.

Bước 2: Lập nhóm làm việc: 4 □ 6 nhóm

- **Thực hiện nhiệm vụ:** GV phát cho mỗi nhóm 1 bộ thẻ kiến thức với 2 màu sắc (một màu thẻ câu hỏi, một màu thẻ là câu trả lời; thẻ câu hỏi đánh số đầu câu, thẻ trả lời đánh ký tự chữ cái A, B, C). Các nhóm thảo luận, dựa vào các nội dung kiến thức trọng tâm đã đọc và tóm lược để “Kết nối” các cặp kiến thức với nhau.

Thời gian thảo luận và ghép nối: 7 phút.

- **Báo cáo, thảo luận:**

+ Hết thời gian, các nhóm cử đại diện lên bảng ghi lại kết quả ghép nối của nhóm mình.

+ Các nhóm tự so sánh kết quả, nhận xét khác biệt, giải trình nội dung kiến thức của nhóm mình chọn nếu được yêu cầu □ rút ra kết luận đúng cho nội dung kiến thức đó.

- **Kết luận, nhận định:**

+ GV giải đáp, khẳng định lại kiến thức, hướng dẫn ghi bài.

+ GV hướng dẫn HS tìm các tư liệu, thông tin và dụng cụ, thiết bị học tập cần có cho tiết học sau:

- Điện thoại có kết nối mạng.
- Máy tính bảng hoặc laptop: mỗi nhóm 1 thiết bị.

- Tìm hiểu trước các thông tin về dân cư – xã hội của Mỹ Latinh.
- + GV cung cấp các tư liệu cần thiết, hướng dẫn học sinh tiến trình hoạt động cho tiết học sau với nội dung tìm hiểu về dân cư và xã hội của Mỹ Latinh.

2.3. Hoạt động 2.3: Tìm hiểu về đặc điểm DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI – 40 PHÚT

a) Mục tiêu

- Tìm hiểu, xác định các đặc điểm về dân cư, quá trình đô thị hóa và các đặc điểm xã hội của Mỹ Latinh.
- Phân tích, giải thích được ảnh hưởng của các đặc điểm DC-XH đến sự phát triển của khu vực.
- Rèn luyện kỹ năng quan sát, giao tiếp, thảo luận, báo cáo, thực hiện đoạn phim học tập.

b) Nội dung

- Hoạt động báo cáo theo hình thức thi đua giữa các nhóm: **“Tôi là Youtuber”**
- Các nhóm nhận tư liệu ảnh, video, thiết kế thành đoạn phim dài tối đa 3 phút có các nội dung yêu cầu như sau:



- + **Có giới thiệu sơ lược về nhóm.**
- + **Có thể hiện về vị trí, các quốc gia, dân số Mỹ Latinh.**
- + **Có các nét đặc trưng về dân cư, dân tộc, văn hóa, lễ hội.**
- + **Có đặc điểm đô thị hóa, sự phân hóa giàu nghèo.**

c) Sản phẩm

- Báo cáo của các nhóm học sinh.
- Phiếu đánh giá hoạt động:

- **Nhóm được chấm điểm:**

- **Nhóm chấm điểm:**

STT	Tiêu chí đánh giá	Điểm chuẩn	Mức độ đạt được (tương ứng mức điểm chuẩn)
1	Nội dung báo cáo (đầy đủ các yêu cầu, đoạn phim thể hiện mượt mà, các nội dung hợp lí)	30	
2	Thời gian báo cáo tương ứng với video	10	
3	Phong cách bình luận, đọc báo cáo.	30	
4	Trả lời thắc mắc	20	
5	Tinh thần làm việc của nhóm	10	
6	TỔNG ĐIỂM		

d) Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** ở cuối tiết học trước, GV chuyển cho học sinh các hình ảnh, tư liệu, link video ngắn hoặc đưa ra yêu cầu để học sinh tham khảo (việc này sẽ giới hạn nội dung cụ thể cho bài trình chiếu của các nhóm để các nội dung không quá rộng và xa trọng tâm kiến thức cần thiết), HS tìm thêm thông tin từ internet, báo chí và thực hiện đoạn video về các vấn đề dân cư – xã hội nổi bật ở Mỹ Latinh. Học sinh tự phân nhóm để làm việc. Lớp phân thành tối đa 5 nhóm.
- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu. Yêu cầu đoạn phim được thiết kế với các định dạng đuôi phổ biến như *mp4, mpg, wmv, avi*.
+ Biên tập, lồng tiếng hoàn chỉnh: thực hiện ở nhà.
- **Báo cáo, thảo luận:** (thực hiện trên lớp) Các nhóm nộp đoạn phim cho GV trước tiết học, GV sẽ lần lượt cho trình chiếu các sản phẩm của các nhóm. Khi 1 nhóm trình chiếu sản phẩm, các nhóm còn lại theo dõi và đánh giá theo phiếu điểm cho từng sản phẩm của các nhóm bạn.
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, tổng kết hoạt động và tổng hợp kiến thức về các đặc điểm dân cư – xã hội nổi bật của các nước Mỹ Latinh. Đối với hoạt động, nhóm có điểm số cao nhất sẽ được tặng thưởng hoặc cộng điểm.

3. Hoạt động 3: Luyện tập (5 phút)

a) Mục tiêu

- Củng cố kiến thức bài học.
- Thay đổi không khí, kết thúc bài học vui vẻ, sôi động.

b) Nội dung

- Trả lời câu hỏi trắc nghiệm trên QUIZZI
<https://quizizz.com/admin/quiz/64871ea46b809a001d6b827f?qcPublish=true>

c) Sản phẩm

- Điểm số bài làm của học sinh

d) Tổ chức thực hiện

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV cung cấp link bài tập, nêu ngắn gọn các qui định làm bài; HS làm bài tập theo nhóm 2.
- **Thực hiện nhiệm vụ:** Thời gian HS thực hiện bài tập theo cài đặt.
- **Báo cáo, kết luận:** GV trình chiếu kết quả chung cuộc, tuyên dương và cộng điểm các nhóm điểm cao.

4. Hoạt động 4: Vận dụng (Chủ yếu hướng dẫn, giao về nhà thực hiện)

a) Mục tiêu:

- Phát triển năng lực của học sinh thông qua vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn.

b) Nội dung: Trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm:

- ❖ Câu trả lời của học sinh đủ các ý sau:
 - Nhờ có khí hậu nhiệt đới với nền nhiệt ẩm cao quanh năm.
 - Diện tích đất bazan màu mỡ lớn.
 - Hệ thống sông ngòi nhiều nước, ...

d) Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** HS thảo luận trả lời câu hỏi: *Nhờ có những nét tương đồng nào mà Mỹ Latinh và Đông Nam Á là 2 khu vực đứng đầu thế giới về sản lượng các cây công nghiệp nhiệt đới như cà phê, cao su, ca cao?*
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.
- **Báo cáo, thảo luận:** Trả lời câu hỏi trong các tiết học tiếp theo về khu vực.
- **Kết luận, nhận định:** GV tổng kết tiết học.

IV. PHỤ LỤC

1. THÔNG TIN PHẢN HỒI PHIẾU HỌC TẬP:

1. Mỹ Latinh bao gồm những quốc gia nào?	Bao gồm các nước ở eo đất Trung Mỹ, quần đảo Ca-ri-bê và toàn bộ các quốc gia ở lục địa Nam Mỹ
2. Vị trí tiếp giáp của khu vực	<ul style="list-style-type: none"> - Đông: Đại Tây Dương - Bắc: Hoa Kỳ - Tây: Thái Bình Dương - Nam: Nam Đại Dương
<p>3. Nhờ vị trí địa lí mà Mỹ Latinh có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, em hãy cho biết những thuận lợi đó nhờ đâu mà có? (<i>Ghi nguyên nhân tương ứng với các thuận lợi bên dưới</i>) Kinh tế biển phát triển mạnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao lưu, hợp tác dễ dàng với các nước trong khu vực và trên thế giới. - Giao thương quốc tế sôi động. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhờ tiếp giáp 3 đại dương với đường bờ biển dài, vùng biển giàu tài nguyên. Dọc bờ biển có nhiều địa điểm thuận lợi để xây dựng cảng biển và cũng có nhiều bãi biển đẹp đáp ứng nhu cầu du lịch. - Có nhiều quốc gia có nền văn hóa tương đồng và GTVT biển phát triển mạnh. - GTVT biển phát triển mạnh với vai trò quan trọng của kênh đào Panama.
4. Vì sao vị trí địa lí mang lại cho Mỹ Latinh nhiều thuận lợi cũng gây ra nhiều khó khăn cho sự phát triển kinh tế của khu vực?	<ul style="list-style-type: none"> - Thuận lợi: giao lưu, với nhiều nước, phát triển kinh tế biển, giàu tài nguyên, có thị trường rộng lớn là Hoa Kỳ. - Khó khăn: về tự nhiên chịu ảnh hưởng của nhiều thiên tai do nằm liền kề vành đai lửa Thái Bình Dương và cấu trúc địa chất, địa hình phức tạp; các tai biến của khí hậu nhiệt đới như bão, áp thấp, El nino,... Về KT - XH: phụ thuộc lớn vào Hoa Kỳ nên rất khó phát triển một cách tự chủ.

2. NỘI DUNG KẾT NỐI THÔNG TIN:

1B, 2J, 3I, 4H, 5G, 6F, 7A, 8E, 9D, 10C.

3. NỘI DUNG BÀI HỌC:

NỘI DUNG BÀI HỌC

I. PHẠM VI LÃNH THỔ VÀ VỊ TRÍ ĐỊA LÍ

- Diện tích: khoảng 20 triệu km².
- Bao gồm: Mê-hi-cô, eo đất Trung Mỹ, vùng Ca-ri-bê và toàn bộ lục địa Nam Mỹ.
- Vị trí, tiếp giáp: nằm ở bán cầu Tây, giáp ĐTD, TBD và Nam Đại Dương.
- Có kênh đào Panama có vị trí rất quan trọng.

II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

1. Địa hình và đất đai

- Địa hình đa dạng, phức tạp:
 - + Phía tây là miền núi cao, bị chia cắt mạnh với nhiều thiên tai như động đất, núi lửa.
 - + Phía đông là miền núi thấp, các sơn nguyên và đồng bằng.
- Đất đai: đa dạng, chủ yếu có đất feralit hình thành từ dung nham núi lửa và phù sa màu mỡ nên rất thuận lợi cho trồng trọt.

2. Khí hậu: phân hóa đa dạng, chủ yếu mang tính chất nóng - ẩm.

3. Sông, hồ:

- Có nhiều sông lớn, nhiều nước quanh năm => có giá trị lớn về giao thông, tưới tiêu, phát triển thủy điện và du lịch.
- Có nhiều hồ có nguồn gốc kiến tạo, núi lửa, băng hà.

4. Sinh vật:

- Thảm thực vật rất đa dạng, phân hóa theo khí hậu; rừng Amazon được xem là “lá phổi xanh của Trái Đất”

5. Khoáng sản: rất giàu có, đa dạng từ kim loại màu, kim loại quý đến nhiên liệu; tập trung chủ yếu ở vùng núi An-đét và phía đông nam sơn nguyên Braxin

6. Biển: giáp 3 đại dương => tài nguyên biển phong phú, thuận lợi phát triển các ngành kinh tế biển.

III. DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI

1. Dân cư:

- Là khu vực đông dân với Braxin là nước đông nhất.
- Tỷ lệ gia tăng dân số cao nhưng hiện nay đã giảm nhiều (0,94% - 2020) và có sự chênh lệch giữa các nước.
- Là khu vực đa chủng tộc nhất thế giới, nhất là người lai.
- Có cơ cấu dân số trẻ, đang trong thời kì DS vàng và già hóa.

2. Đô thị hóa:

- Gắn liền với quá trình nhập cư và lịch sử khai thác lãnh thổ.
- Tỷ lệ dân thành thị tương đối cao, năm 2020 khoảng 80% với nhiều đô thị đông dân bậc nhất thế giới.
- Đô thị hóa mang lại nhiều tích cực nhưng cũng gây ra nhiều tiêu cực do tự phát.

3. Xã hội:

- “Văn hóa Mỹ Latinh” rất độc đáo với nhiều lễ hội, ẩm thực, âm nhạc và nhiều vũ điệu độc đáo.
- Chất lượng cuộc sống ngày càng chuyên biến tích cực.
- Sự chênh lệch giàu nghèo, xung đột chính trị và lạm phát ở một số quốc gia là những tồn tại lớn trong khu vực.

Tiết 12, 13 - **Bài 7: KINH TẾ KHU VỰC MỸ LA-TINH**
(02 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực.

2. Về năng lực

❖ Năng lực chung:

- Tự học tự chủ:
 - Chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
 - Đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập; hình thành cách học riêng của bản thân; tìm kiếm, lựa chọn nguồn tài liệu phù hợp.
 - Ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết.
- Giao tiếp hợp tác:
 - Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá các vấn đề.
 - Biết chủ động trong giao tiếp, tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.
- Sử dụng CNTT và truyền thông: Có thể sử dụng các phương tiện công nghệ để hỗ trợ tìm kiếm thông tin liên quan đến nội dung bài học.

❖ Năng lực địa lí

- Đọc được bản đồ rút ra nhận xét phân tích được số liệu tư liệu.
- Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về nền kinh tế khu vực Mỹ Latinh.
- Vẽ được biểu đồ, rút ra nhận xét.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ, trung thực trong học tập, tìm hiểu kiến thức. Có trách nhiệm với các nhiệm vụ học tập của nhóm, của cá nhân.
- Tôn trọng các giải pháp của Chính phủ cũng như tinh thần của người dân các nước Mỹ Latinh trong việc nỗ lực ổn định, vượt qua những khó khăn, giải quyết các vấn đề bất ổn kinh tế - xã hội.
- Nhận thấy những tiềm năng kinh tế to lớn của Mỹ Latinh, liên hệ đến một số vấn đề về kinh tế của Việt Nam, tin tưởng vào chiến lược phát triển đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Bản đồ tự nhiên khu vực Mỹ Latinh.
- Bản đồ phân bố công nghiệp, nông nghiệp của khu vực.
- Các bảng số liệu, biểu đồ về kinh tế Mỹ Latinh.
- Phiếu học tập trong các hoạt động.

- Bài trình chiếu.
- Trò chơi học tập theo các hoạt động.

2. Học sinh

- Giấy note để làm việc cá nhân.
- Giấy khổ lớn (A1), bút màu để làm việc nhóm.
- Sách giáo khoa và tập ghi bài.
- Thiết bị có thể truy cập Internet, quét mã QR code.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động/Mở đầu (10 phút)

a) Mục tiêu

- Kiểm tra kiến thức vận dụng và việc học tập, rèn luyện ở nhà của học sinh.
- Khơi gợi sự hứng thú, tính tò mò để học sinh học tập tích cực, sáng tạo hơn.

b) Nội dung

- Học sinh trả lời câu hỏi vận dụng của tiết học trước và các câu hỏi được yêu cầu:

1. Nhờ có những nét tương đồng nào mà Mỹ La tinh và Đông Nam Á là 2 khu vực đứng đầu thế giới về sản lượng các cây công nghiệp nhiệt đới như cà phê, cao su, ca cao?

2. Hiện nay, cà phê và cao su là 2 cây trồng có vai trò lớn trong nền kinh tế thế giới, vì sao?

3. Trên thị trường Việt Nam hiện nay, có những sản phẩm nào được nhập khẩu từ Mỹ Latinh?

c) Sản phẩm

- Câu trả lời của học sinh đảm bảo có các nội dung sau:

1. - Nhờ có khí hậu nhiệt đới với nền nhiệt ẩm cao quanh năm.

- Diện tích đất bazan màu mỡ lớn.

- Hệ thống sông ngòi nhiều nước, ...

2. Nhu cầu tiêu dùng cà phê ngày càng nhiều hơn và tăng lên nhanh chóng. Cà phê là thứ đồ uống phổ biến trong mọi tầng lớp, hiện nay nhu cầu tiêu dùng cà phê vượt xa hai loại đồ uống truyền thống là chè và ca cao. Điều này đã thúc đẩy và khuyến khích các nước sản xuất cà phê xuất khẩu.

- Đối với cây cao su: nhựa cao su được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực:

+ *Đời sống: Công dụng của cao su trong đời sống là dùng để sản xuất chần ga gối đệm. Với đặc tính mềm mại, độ đàn hồi cao, cao su đã trở thành vật liệu hàng đầu cho các sản phẩm gối nệm. Nệm cao su mang đến cho người dùng cảm giác thư giãn, êm ái và một giấc ngủ tuyệt vời, hơn hẳn các chất liệu khác. Vì vậy, gối nệm cao su tự nhiên luôn có giá thành rất cao.*

+ *Xây dựng: Dùng để làm các tấm cao su lót sàn, giảm chấn, chèn ở khe hở của các công trình,....*

+ *Lốp xe: Phần lớn các loại lốp xe cao cấp hiện nay đều được sản xuất từ cao su tự nhiên.*

+ *Y tế: Các loại găng tay cao su, nút cao su,....*

3. Chủ yếu là các mặt hàng nông sản và thức ăn chăn nuôi.

d) Tổ chức thực hiện

- **Chuyên giao nhiệm vụ:** HS nhận nhiệm vụ và làm việc theo cặp đôi.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các cặp đôi thảo luận dò lại câu trả lời của câu hỏi 1 và tìm ý trả lời cho các câu hỏi 2 và 3, thời gian thảo luận và ghi câu trả lời ra giấy note là 3 phút.
- **Báo cáo, thảo luận:**
 - + Hết thời gian, các nhóm chuyển phiếu trả lời của mình cho nhóm bên cạnh để chấm điểm câu trả lời.
 - + GV gọi ngẫu nhiên đại diện 1 nhóm đọc câu trả lời, các nhóm còn lại nhận xét, GV ghi nhanh nội dung các câu trả lời lên bảng để tổng hợp, các nhóm chấm điểm.
- **Kết luận, nhận định:** GV tổng kết các câu trả lời, tổng hợp, ghi điểm.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

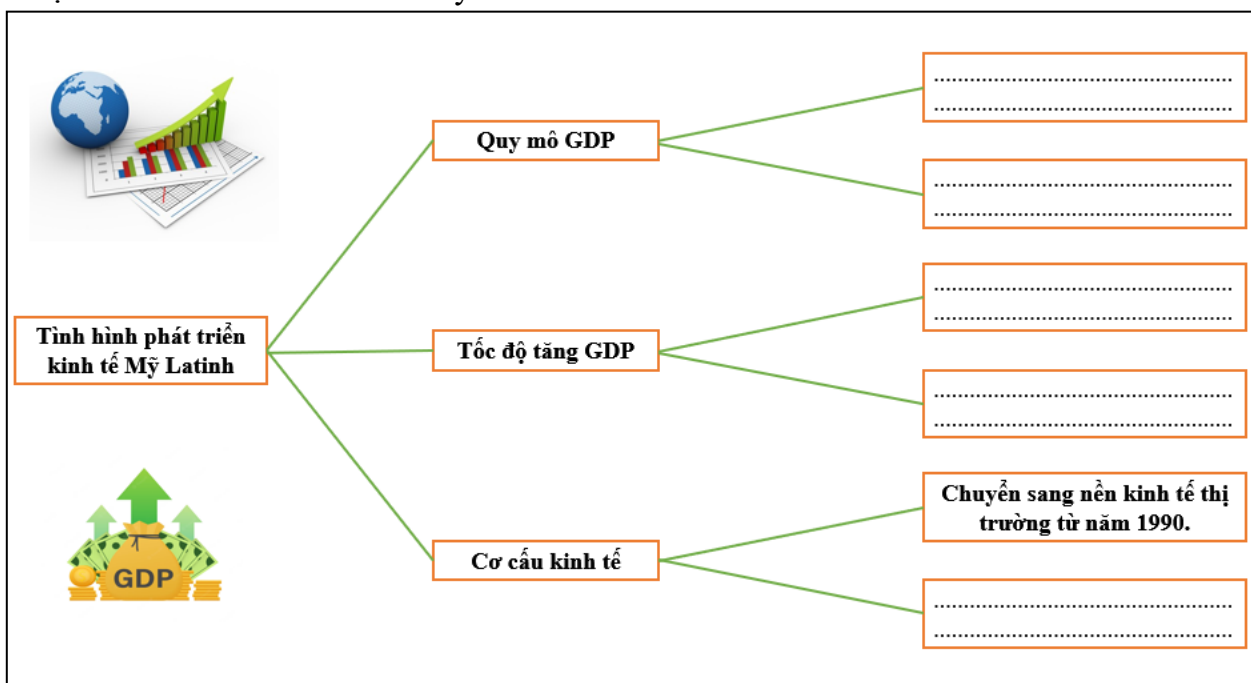
2.1. Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - 35 phút

a) Mục tiêu

- Xác định được các đặc điểm, các chỉ số kinh tế chung của Mỹ Latinh.
- Phân tích, giải thích được tình hình phát triển kinh tế của khu vực Mỹ Latinh.

b) Nội dung

- Học sinh hoàn thành sơ đồ khuyết.



c) Sản phẩm

- Câu trả lời của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** Cá nhân HS đọc nội dung mục I SGK, tìm các ý trọng tâm trong 2 phút, sau đó nhận phiếu học tập để hoàn thành theo nhóm 6.
- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm thảo luận điền các nội dung đúng vào phiếu học tập trong thời gian 4 phút.
- **Báo cáo, thảo luận:**
 - + Hết thời gian, các nhóm chuyển phiếu trả lời của mình cho nhóm bên cạnh để chấm điểm câu trả lời.

- + Các nhóm có số lẻ đọc câu trả lời, các nhóm còn lại nhận xét, GV ghi nhanh nội dung các câu trả lời lên bảng để tổng hợp.
 - **Kết luận, nhận định:** GV đưa thông tin phản hồi, các nhóm hoàn thành việc chấm điểm cho nhóm bạn theo các ý đúng, mỗi ý đúng đạt 2 điểm. GV tổng hợp nội dung ghi bài, ghi điểm cho hoạt động, dặn dò nội dung cần chuẩn bị cho tiết học sau.
- Kết thúc hoạt động, các nhân HS trả lời câu hỏi: **Kết hợp các đặc điểm tự nhiên, dân cư và xã hội, cho biết vì sao nền kinh tế Mỹ Latinh hiện nay có nhiều bất ổn và có sự chênh lệch lớn giữa các nước với nhau?**
- Trả lời: Quá trình phát triển kinh tế của các nước có nhiều chênh lệch và bất ổn là do:
- + Chính sách kinh tế của từng quốc gia.
 - + Nền kinh tế phụ thuộc lớn vào nước ngoài về nguồn vốn, công nghệ, thị trường.
 - + Nền chính trị bất ổn trong khu vực.
 - + Nhiều nước có tỉ lệ nợ nước ngoài cao hơn so với GDP.
 - + Tác động của đại dịch Covid 19.

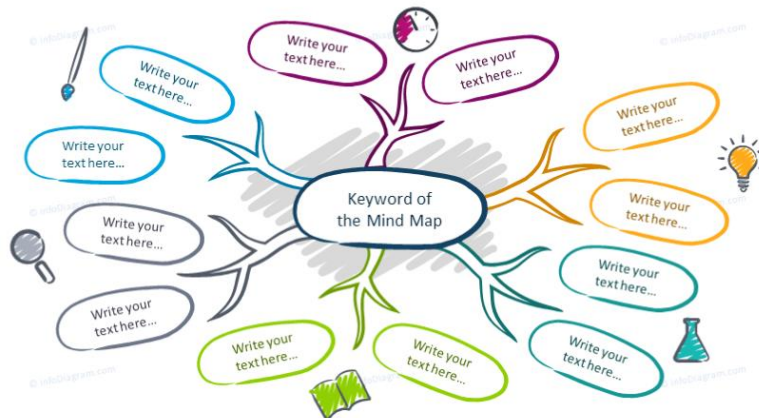
2.2. Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về CÁC NGÀNH KINH TẾ - 35 phút

a) Mục tiêu

- Xác định được các đặc điểm, các chỉ số của các ngành kinh tế chung của Mỹ Latinh.
- Phân tích, giải thích được tình hình phát triển từng ngành kinh tế kinh tế của khu vực Mỹ Latinh.

b) Nội dung

- Học sinh thiết kế mindmap về các ngành kinh tế của Mỹ Latinh.



c) Sản phẩm

- Mindmap của các nhóm học sinh.
- Phiếu chấm điểm mindmap chung cho tất cả các nhóm.

ST T	Tiêu chí đánh giá	Hạng 1 (10đ)	Hạng 2 (8đ)	Hạng 3 (6đ)	Hạng 4 (4đ)	Hạng 5 (2đ)	Hạng 6,7 (0đ)
1	Nhóm hoàn thành sớm nhất						
2	Nhóm trình bày đẹp nhất (bố cục khoa học, hài hòa)						
3	Mindmap có các hình vẽ/icon minh họa sinh động						
4	Thông tin về các ngành chi tiết, phong phú, ngắn gọn.						
5	Nhóm báo cáo tốt nhất						
6	Tinh thần làm việc nhóm tốt nhất						
7	Có thông tin nhóm đầy đủ						
8	TỔNG ĐIỂM: + Nhóm 1: + Nhóm 2: + Nhóm 3: + Nhóm 4: + Nhóm 5: + Nhóm 6: + Nhóm 7:						

d) Tổ chức thực hiện

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** Lớp chia thành các nhóm 6 thành viên (giữ lại thành phần nhóm như ở nhiệm vụ 1 để tổng hợp điểm cuối tiết học).
- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm thảo luận, tự thiết kế mindmap thể hiện đặc điểm CÁC NGÀNH KINH TẾ CỦA MỸ LATINH.
 + **Thời gian thực hiện:** tối đa 10 phút.
- **Báo cáo, thảo luận:**
 + Nhóm hoàn thành trước sẽ được cộng điểm, các nhóm dán sản phẩm lên bảng và thực hiện báo cáo lần lượt, mỗi nhóm có thời gian 3 phút để trình bày phần nội dung mindmap của nhóm mình.
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, tổng hợp kiến thức. Nhóm trưởng các nhóm hoàn thành phiếu đánh giá chung.

3. Hoạt động 3: Luyện tập (5 phút)

a) Mục tiêu

- Củng cố kiến thức bài học.
- Rèn luyện các kỹ năng vẽ biểu đồ, hoàn thành bảng thống kê.

b) Nội dung

- Thực hiện phần Luyện tập của bài.

c) Sản phẩm: Bài làm của học sinh

- Biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng GDP của khu vực Mỹ Latinh giai đoạn 1961 - 2020.

- Bảng thể hiện sự phân bố một số nông sản của Mỹ Latinh.

Tên nông sản	Sự phân bố
Lúa mì	Nam Bra-xin, Pê-ru, Ac-hen-ti-na, Tây Nam Mê-hi-cô
Ngô	Ac-hen-ti-na, Braxin, Pê-ru, Paraguay
Đậu tương	Ac-hen-ti-na, Braxin, Bô-li-vi-a
Thuốc lá	Braxin, Cuba
Bông	Ac-hen-ti-na, Bra-xin, Mê-hi-cô
Mía	Ac-hen-ti-na, Braxin, Cô-lôm-bi-a, Costa Rica, Cuba
Cà phê	Mê-hi-cô, Goa-tê-ma-la, Costa Rica, Cô-lôm-bi-a, Braxin
Cao su	Braxin
Cacao	Braxin
Cây ăn quả	Hầu hết các nước
Bò	Ac-hen-ti-na, Bra-xin
Lợn	Braxin
Cừu	Bra-xin, Cô-lôm-bi-a, Mê-hi-cô
Gia cầm	Ac-hen-ti-na, Bra-xin, Mê-hi-cô
Khai thác thủy sản	Ven bờ Thái Bình Dương

d) Tổ chức thực hiện

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV nêu yêu cầu, quy định thời gian làm bài.
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện bài tập 1 trong thời gian 4 phút, bài tập 2 trong vòng 2 phút.
- **Báo cáo, kết luận:** GV gọi 1 vài HS lên chấm điểm, tổng kết hoạt động.

4. Hoạt động 4: Vận dụng (Chủ yếu hướng dẫn, giao về nhà thực hiện)

a) Mục tiêu:

- Phát triển năng lực của học sinh thông qua vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn.

b) Nội dung: Trả lời câu hỏi

1. Trả lời câu hỏi phần Vận dụng – SGK: Tìm hiểu về một loại nông sản xuất khẩu nổi bật của Mỹ Latinh.
2. Tìm tư liệu về sự phát triển kinh tế - xã hội của nước Cộng hòa liên bang Braxin.

c) Sản phẩm:

- Câu trả lời của học sinh.

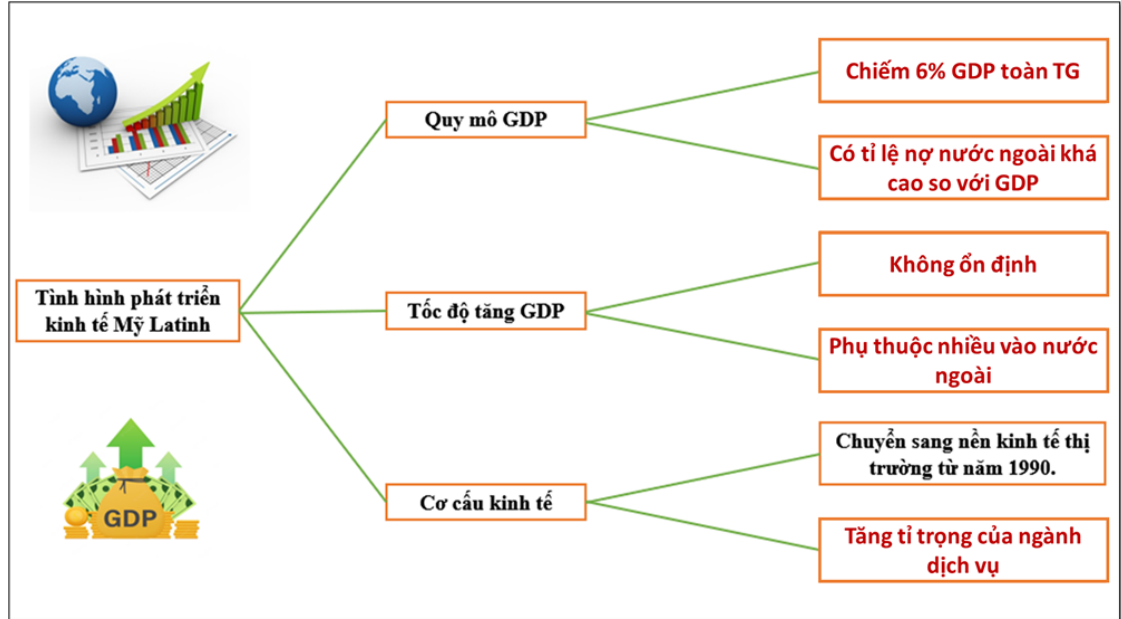
d) Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** HS ghi nhận các câu hỏi 1 và 2.
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

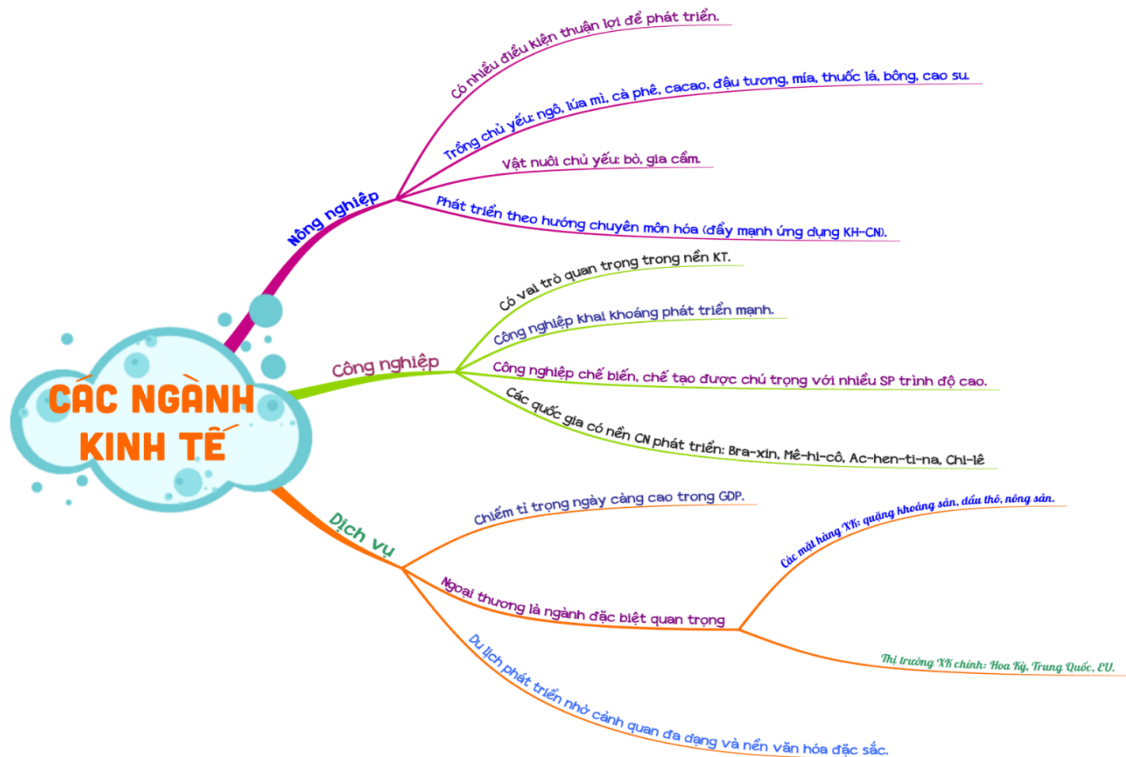
- Báo cáo, thảo luận: Trả lời câu hỏi trong tiết học tiếp theo về khu vực.
- Kết luận, nhận định: GV tổng kết tiết học.

IV. PHỤ LỤC

1. NỘI DUNG ĐIỀN KHUYẾT:



2. MINDMAP



3. NỘI DUNG BÀI HỌC:

NỘI DUNG BÀI HỌC

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1. Quy mô GDP:

- Chiếm 6% GDP toàn thế giới – 2020.
- Quy mô GDP giữa các nước có sự chênh lệch lớn.
- Braxin và Mê-hi-cô có quy mô GDP lớn nhất khu vực.

2. Tốc độ tăng GDP:

- Tiến hành công nghiệp hóa sớm nhưng tốc độ tăng trưởng không ổn định.
- Nguyên nhân: do tình hình chính trị bất ổn, nợ nước ngoài, tình hình dịch bệnh.

3. Cơ cấu kinh tế:

- Đang có sự chuyển dịch rõ nét sang nền kinh tế thị trường với xu hướng tăng tỉ trọng ngành dịch vụ.

II. CÁC NGÀNH KINH TẾ

1. Nông nghiệp:

- Có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển.
- Các cây trồng chủ yếu: ngô, lúa mì, cà phê, ca cao, đậu tương, mía, thuốc lá, bông, cao su.
- Các vật nuôi chủ yếu: bò, gia cầm.
- Nông nghiệp đang phát triển theo hướng chuyên môn hóa (đẩy mạnh ứng dụng khoa học – công nghệ).

2. Công nghiệp:

- Có vai trò quan trọng trong nền kinh tế.
- Công nghiệp khai khoáng phát triển mạnh dựa trên nguồn tài nguyên khoáng sản giàu có, đặc biệt là dầu – khí.

- Công nghiệp chế biến, chế tạo được chú trọng với nhiều sản phẩm trình độ cao như sản xuất ô tô, máy bay.

- Các quốc gia có nền công nghiệp phát triển: Bra-xin, Mê-hi-cô, Ac-hen-ti-na, Chi-lê.

3. Dịch vụ:

- Chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu GDP.
 - Ngoại thương là ngành đặc biệt quan trọng:
- + Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu: quặng khoáng sản, dầu thô, nông sản nhiệt đới, thịt, sữa.

- + Các thị trường xuất khẩu chính: Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU.

- Du lịch thu hút lượng lớn du khách nhờ cảnh quan thiên nhiên đa dạng và nền văn hóa đặc sắc.

Tiết 14 - **Bài 8: THỰC HÀNH: VIẾT BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở CỘNG HOÀ LIÊN BANG BRA-XIN**

(1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Giúp HS rèn luyện năng lực tìm kiếm, chọn lọc thông tin và viết báo cáo.

2. Năng lực

*** Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập được giao. Ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết.
- Giao tiếp hợp tác: Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá các vấn đề. Biết chủ động trong giao tiếp, tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động phát hiện vấn đề, tìm logic trong giải quyết vấn đề, đề xuất được giải pháp giải quyết vấn đề liên quan đến phát triển KT-XH ở Bra-xin.

*** Năng lực chuyên biệt:**

- Nhận thức khoa học Địa lí: Biết được tình hình phát triển kinh tế và những vấn đề xã hội cần giải quyết ở Bra-xin.
- Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ Địa lí; nhận xét, phân tích các bảng số liệu thống kê từ số liệu đã cho); khai thác internet phục vụ môn học.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.
- Hình thành tình yêu quê hương đất nước, có thái độ làm việc nghiêm túc và tinh thần phát triển kinh tế cho địa phương, đất nước và khu vực.
- Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Các thông tin trên internet có liên quan đến Cộng hoà liên bang Bra-xin.
- Sách, báo, tạp chí...

2. Học sinh

- Giấy note để làm việc cá nhân;
- Bút màu để làm việc nhóm;
- Dụng cụ truy cập Internet tìm hiểu về Cộng hoà liên bang Bra-xin.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động/Mở đầu

a) Mục tiêu:

Tạo tình huống học tập, kết nối kiến thức HS đã có về vấn đề KT-XH ở Bra-xin.

b) Nội dung: HS tham gia trò chơi

“ Thử thách ghép mảnh”

c) Sản phẩm: hình ảnh mảnh ghép của HS

d) Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV nêu thể lệ trò chơi “ Thử thách ghép mảnh”

+Nhấn vào đường link sau:

<https://www.jigsawplanet.com/?rc=play&pid=2d9fda3eec5a>

+Hoàn thành hình ảnh bằng cách ghép các mảnh ghép sao cho phù hợp.

+Trả lời câu hỏi sau khi đã ghép xong: Tên gọi của hình ảnh này là gì? Hình ảnh này đại diện cho quốc gia nào trên thế giới?

+ Thời gian 5 phút.

Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS nhận nhiệm vụ

+ HS tham gia trò chơi

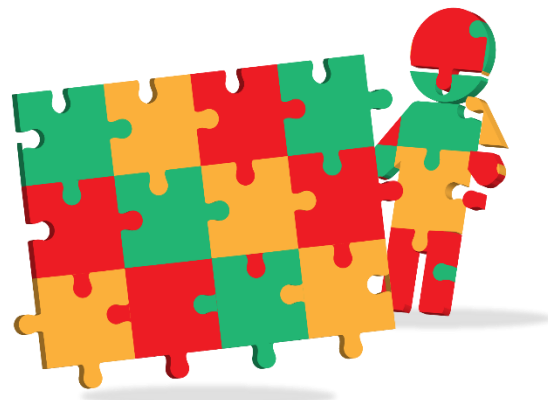
- **Báo cáo, thảo luận:**

+ HS nộp hình ảnh đã ghép vào Zalo nhóm lớp.

+ HS trả lời nhanh thông tin

- **Kết luận, nhận định:**

GV nhận xét câu trả lời và chốt ý đồng thời dẫn dắt vào bài, giới thiệu nội dung bài học



Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1 : Viết báo cáo về tình hình phát triển kinh tế - xã hội ở cộng hòa Liên bang Bra-xin

(Lưu ý: GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ này và hoàn thành sản phẩm trước ở nhà)

a) Mục tiêu:

Viết được báo cáo truyền đạt những nét cơ bản về tình hình phát triển kinh tế Bra-xin và những vấn đề xã hội cần giải quyết.

b) *Nội dung:*

HS viết được báo cáo truyền đạt những nét cơ bản về tình hình phát triển kinh tế Bra-xin và những vấn đề xã hội cần giải quyết.

c) *Sản phẩm:* HS thực hiện sản phẩm Podcast "Brasil- Khám phá qua âm thanh"

d) *Tổ chức thực hiện:*

- **Chuyên giao nhiệm vụ:**

+ Bước 1: GV chia lớp thành 8 nhóm, yêu cầu mỗi nhóm tạo Podcast "Brasil- Khám phá qua âm thanh".

Một số đường link tham khảo

+ <https://www.thegioididong.com/hoi-dap/podcast-la-gi-co-gi-thu-vi-nghe-podcast-o-dau-1314184>

+ <https://www.youtube.com/watch?v=P-wVBA1A4nU>

+ <https://www.youtube.com/watch?v=foeda4V6tAg>

+ <https://www.youtube.com/watch?v=fXy3dtTgjIU&list=PL1dVSxNEvuz4-tBWc-CJfxHTnXC7MFP1C>

+ Bước 2: HS nghiên cứu và thu thập tìm kiếm thông tin từ sách giáo khoa, các nguồn đáng tin cậy như sách, báo, bài báo khoa học, tài liệu trực tuyến, và nguồn tin chính phủ hoặc tổ chức quốc tế liên quan đến Brazil.

+ Bước 3: Hướng dẫn HS tạo kịch bản cho podcast của mình. Kịch bản nên bao gồm mục đích của podcast, giới thiệu chủ đề, phân đoạn chính và kết luận. Lưu ý rằng một podcast tốt nên có cấu trúc rõ ràng và sự liên kết logic giữa các phần. Trong phân đoạn chính cần thể hiện những nội dung sau:

1. Tình hình phát triển kinh tế ở Bra-xin:

- Đặc điểm phát triển kinh tế (quy mô và tăng trưởng kinh tế, cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, một số sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp nổi tiếng)
- Nguyên nhân phát triển.

2. Những vấn đề xã hội cần giải quyết

- Vấn đề mức sống của dân cư.
- Phân hoá giàu nghèo, thất nghiệp, nghèo đói, bệnh tật ở các khu ổ chuột...
- Vấn đề đô thị hoá tự hoá và hậu quả.

+ Bước 4: HS chuẩn bị một bộ thu âm và sử dụng phần mềm ghi âm hoặc một ứng dụng di động để ghi lại podcast. HS nên tạo ra một môi trường yên tĩnh và thuận lợi để ghi âm.



Sau khi ghi âm, HS có thể sử dụng phần mềm chỉnh sửa âm thanh để cắt ghép, điều chỉnh âm lượng, và thêm hiệu ứng âm thanh.

+ Bước 5: HS nghe lại podcast của mình và sửa đổi nếu cần thiết. Đảm bảo rằng thông tin được truyền đạt một cách rõ ràng và logic.

+ Bước 6: Sau đó, tổ chức một buổi thảo luận hoặc phản hồi để học sinh có cơ hội chia sẻ nhận xét và trao đổi ý kiến về các chủ đề trong các podcast.

- Thực hiện nhiệm vụ:

HS thực hiện nhiệm vụ như hướng dẫn.

- Báo cáo, thảo luận:

Các nhóm hoàn thành và nộp lại sản phẩm học tập cho GV.

- Kết luận, nhận định:

GV nhận xét, góp ý, chuẩn kiến thức và tuyên dương những nhóm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Hoạt động 2.2 : Thực hiện sản phẩm

a) Mục tiêu:

- Các nhóm hoàn thành 100% sản phẩm.
- Báo cáo sản phẩm trước lớp.

b) Nội dung:

HS viết được báo cáo truyền đạt những nét cơ bản về tình hình phát triển kinh tế Bra-xin và những vấn đề xã hội cần giải quyết.

c) Sản phẩm: Podcast "Brasil- Khám phá qua âm thanh"

d) Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu các nhóm chuẩn bị sản phẩm.
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ
- **Báo cáo, thảo luận:** GV trình chiếu 1 số sản phẩm.
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét sản phẩm của HS và tổng kết bài học.

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu:

Củng cố kiến thức bằng việc trình chiếu sản phẩm Podcast "Brasil- Khám phá qua âm thanh".

b) Nội dung: Báo cáo về tình hình phát triển kinh tế - xã hội ở cộng hoà Liên bang Bra-xin.

c) Sản phẩm: Podcast "Brasil- Khám phá qua âm thanh".

d) Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu các nhóm chuẩn bị sản phẩm.
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ
- **Báo cáo, thảo luận:** GV trình chiếu 1 số sản phẩm.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét sản phẩm của HS và tổng kết bài học.

IV. RÚT KINH NGHIỆM

V. PHỤ LỤC

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Tiêu chí	Chấm điểm	Điểm tuyệt đối	Điểm chấm
Nội dung	Cấu trúc đầy đủ, rõ ràng, logic và mạch lạc của podcast và sự liên kết mượt mà giữa các phần.	2	
	Nội dung phong phú, chính xác	2	
Hình thức	Truyền đạt và giọng điệu nghiệm hình ảnh hấp dẫn và trực quan.	1	
	Kỹ thuật và âm thanh	1	
	Sáng tạo	1	
	Hấp dẫn và lôi cuốn	2	
	Thời lượng(3 phút) và tốc độ phù hợp	1	
Tổng hợp		10	

VI. THÔNG TIN THAM KHẢO

PODCAST: BRAZIL-KHÁM PHÁ QUA ÂM THANH



Chào mừng các bạn đến với podcast "Khám phá Brazil." Trong tập này, chúng ta sẽ khám phá về diện tích, dân số và tình hình phát triển kinh tế xã hội của đất nước Nam Mỹ này. Hãy cùng chúng tôi bắt đầu!

Đầu tiên, chúng ta sẽ tìm hiểu về diện tích của Brazil. Với hơn 8,5 triệu km², Brazil là quốc gia lớn thứ 5 trên thế giới về diện tích. Đất nước này có một địa lý đa dạng, bao gồm rừng rậm Amazon, vùng đồng bằng và dãy núi. Diện tích đa dạng này đã tạo ra nhiều tiềm năng và thách thức cho sự phát triển kinh tế và xã hội của Brazil.

Tiếp theo, chúng ta sẽ tìm hiểu về dân số của Brazil. Với hơn 210 triệu người, Brazil là quốc gia có dân số đông nhất ở Nam Mỹ và thứ 6 trên thế giới. Sự đa dạng văn hóa và dân

tộc tại Brazil tạo ra một quần thể đa dạng và giàu sức sống. Tuy nhiên, vấn đề mức sống và sự bất đồng trong phân phối tài nguyên vẫn là những thách thức cần giải quyết.

Bây giờ, hãy nói về tình hình phát triển kinh tế của Brazil. Trải qua nhiều năm, Brazil đã chứng kiến sự phát triển kinh tế đáng kể. Đất nước này là một trong những nền kinh tế lớn trên thế giới, với GDP (Sản phẩm quốc nội) cao. Sự phát triển kinh tế chủ yếu được đạt được thông qua các ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ. Tuy nhiên, còn nhiều nguyên nhân phức tạp đã đóng góp vào sự phát triển này.

Nhưng sự phát triển kinh tế không đến một cách đồng đều và không phải ai cũng hưởng lợi từ nó. Brazil đang đối mặt với nhiều vấn đề xã hội cần giải quyết. Một vấn đề quan trọng là mức sống của dân cư. Sự chênh lệch về thu nhập và phân hoá giàu nghèo là một thách thức lớn. Một số người vẫn sống trong điều kiện nghèo đói và đối mặt với sự thiếu hụt căn bản như giáo dục và chăm sóc sức khỏe.

Ngoài ra, Brazil cũng đang đối mặt với vấn đề thất nghiệp và nghèo đói tại các khu ổ chuột. Các khu vực này thường có điều kiện sống kém và thiếu các dịch vụ cơ bản. Vấn đề đô thị hoá tự phát cũng đang gây ra những hậu quả tiêu cực, bao gồm ô nhiễm môi trường và sự thiếu hụt hạ tầng đô thị.

Đó là một cái nhìn tổng quan về diện tích, dân số và tình hình phát triển kinh tế xã hội của Brazil. Đất nước này đang đối mặt với nhiều thách thức và cần những nỗ lực đáng kể để giải quyết những vấn đề xã hội hiện tại. Chúng ta hy vọng rằng Brazil sẽ tiếp tục phát triển và tạo ra những cơ hội cho tất cả người dân của mình.

Cảm ơn các bạn đã lắng nghe tập podcast này. Hãy tiếp tục khám phá về Brazil và theo dõi các tập podcast tiếp theo của chúng tôi.

Tiết 15- ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Ôn tập, Hệ thống hoá, khái quát hoá kiến thức của các nội dung đã học:

- Một số vấn đề về kinh tế - xã hội thế giới
- Địa lí khu vực Mỹ la tinh

2. Năng lực:

* Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học:
- Năng lực giao tiếp và hợp tác:
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:

* Năng lực chuyên biệt:

- Nhận thức khoa học địa lí:
 - + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian:
 - > Sử dụng được bản đồ để xác định được đặc điểm, sự phân bố của các thành phần tự nhiên, kinh tế xã hội thế giới cũng như các châu lục.
 - > Xác định và lí giải được sự phân bố các đối tượng địa lí.
 - Tìm hiểu địa lí:
 - + Sử dụng các công cụ địa lí:
 - > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ...
 - > Biết đọc và sử dụng bản đồ, phân tích bảng số liệu, biểu đồ.
 - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về địa lí dân cư; các nguồn lực phát triển kinh tế, các tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế; địa lí nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; địa lí công nghiệp; địa lí dịch vụ.

3. Phẩm chất:

- Yêu nước, nhân ái
- Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

2. Học liệu: SGK, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) Mục tiêu: HS nắm được cấu trúc đề kiểm tra.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) Sản phẩm: HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân để đặt câu hỏi đối với những nội dung chưa rõ hoặc chưa hiểu.

1. Cấu trúc đề: Thời gian làm bài: 45 phút.

- Phần trắc nghiệm: 7,0 điểm = 28 câu
- Phần tự luận: 3,0 điểm = 2 câu

2. Cấu trúc đề kiểm tra

2.1. Trắc nghiệm:

STT	TÊN BÀI	SỐ CÂU
1	Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước	
2	Toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế	
3	An ninh toàn cầu	
4	Tự nhiên, dân cư, xã hội khu vực Mỹ la tinh	
5	Kinh tế khu vực Mỹ la tinh	
6	Kỹ năng	
	Tổng	28

2.2. Tự luận:

STT	YÊU CẦU CẢN ĐẠT	SỐ CÂU
1		2
2		
3		
4	DỰA TRÊN ĐỀ XÂY DỰNG ĐỀ HOÀN THIỆN SAU	
5		
6		
7	- Vẽ và nhận xét biểu đồ.	
	Tổng	2

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu cấu trúc đề kiểm tra giữa học kì I. Yêu cầu HS rà soát lại kiến thức và đưa ra câu hỏi đối với những nội dung lí thuyết chưa nắm rõ hoặc chưa hiểu.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 5 phút.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS đặt câu hỏi và yêu cầu các HS khác lắng nghe, trả lời, giải thích câu hỏi của bạn.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào hoạt động ôn tập.

HOẠT ĐỘNG 2: HƯỚNG DẪN ÔN TẬP

- a) **Mục tiêu:** HS hệ thống lại kiến thức đã được học.
- b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để hệ thống hóa kiến thức theo yêu cầu của GV.
- c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành việc hệ thống hóa kiến thức theo nội dung GV hướng dẫn:

3. Nội dung ôn tập:

a. Kiến thức:

- Ôn tập, Hệ thống hoá, khái quát hoá kiến thức của các chương đã học:
- Một số vấn đề kinh tế - xã hội thế giới
- + Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước
- + An ninh toàn cầu

- + Toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế
- Địa lí khu vực Mỹ la tinh
- + Tự nhiên, dân cư, xã hội
- + Kinh tế
- b. Kỹ năng: Vẽ và phân tích biểu đồ.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung kiến thức đã học bằng sơ đồ dưới sự hướng dẫn của GV và theo cấu trúc đề kiểm tra.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS nhớ lại và hệ thống hoá các kiến thức đã học.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Mỗi câu hỏi đại diện HS sẽ trả lời các HS khác nhận xét và bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a) **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kỹ năng bài học góp phần hình thành các kỹ năng mới cho HS
- b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.
- c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

Câu 1. Các nước có thu nhập ở mức thấp hiện nay hầu hết đều ở:

- A. châu Âu. B. Bắc Mỹ. C. châu Phi. D. Bắc Á.

Câu 2. Phát biểu nào sau đây không đúng với các nước phát triển?

- A. GDP bình quân đầu người cao. B. Đầu tư nước ngoài (FDI) nhiều.
C. Chỉ số phát triển con người cao. D. Còn có nợ nước ngoài nhiều.

Câu 3. Các hoạt động nào sau đây hiện nay thu hút mạnh mẽ đầu tư nước ngoài?

- A. Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm. B. Nông nghiệp, thủy lợi, giáo dục.
C. Văn hoá, giáo dục, công nghiệp. D. Du lịch, công nghiệp, giáo dục.

Câu 4. Biểu hiện của thị trường tài chính quốc tế mở rộng là:

- A. mạng lưới liên kết tài chính toàn cầu mở rộng toàn thế giới
B. đầu tư nước ngoài tăng rất nhanh, nhất là lĩnh vực dịch vụ.

C. vai trò của Tổ chức Thương mại thế giới ngày càng lớn.

D. các công ty xuyên quốc gia hoạt động với phạm vi rộng.

Câu 5. Tài nguyên đất, khí hậu của Mĩ La tinh thuận lợi cho phát triển:

- A. chăn nuôi đại gia súc, trồng cây lâu năm nhiệt đới.
B. chăn nuôi gia cầm, trồng cây công nghiệp hàng năm.
C. trồng cây ăn quả nhiệt đới, trồng các cây lương thực.
D. trồng cây hoa màu lương thực, chăn nuôi đại gia súc.

Câu 6. Hiện tượng đô thị hoá tự phát ở Mĩ La Tinh gắn với:

- A. quá trình công nghiệp hoá. B. sản xuất được hiện đại hoá.
C. thất nghiệp, thiếu việc làm. D. chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

Câu 7. Phát biểu nào sau đây đúng với kinh tế châu Mĩ La Tinh hiện nay?

- A. Tốc độ phát triển kinh tế các nước đồng đều.
B. Tăng trưởng nhanh là nhờ đầu tư trong nước.
C. Đầu tư nước ngoài không ổn định, có biến động.
D. Đóng góp rất lớn vào tổng thu nhập toàn thế giới.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Hs vận dụng kiến thức, kỹ năng và năng lực đã học tập, rèn luyện được để trả lời các câu hỏi gắn với điều kiện thực tiễn của các khu vực và trên thế giới.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi:

Câu hỏi: Lập bảng khái quát hóa kiến thức, kỹ năng đã học từ bài 1 – bài 7

(HS tự hoàn thành, phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo để làm đề cương ôn tập)

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS hoàn thành bảng hệ thống kiến thức, kỹ năng.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và thực hiện yêu cầu.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS báo cáo kết quả, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt kiến thức kỹ năng có liên quan.

LIÊN MINH CHÂU ÂU

Tiết 17, 18, 19, 20 - Bài 9: LIÊN MINH CHÂU ÂU – MỘT LIÊN KẾT KINH TẾ KHU VỰC LỚN (04 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Xác định được quy mô, mục tiêu, thể chế hoạt động của EU.
- Phân tích được vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới và một số biểu hiện của hợp tác và liên kết trong khu vực.

2. Về năng lực

❖ Năng lực chung:

- Tự học tự chủ:
 - Chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
 - Đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập; hình thành cách học riêng của bản thân; tìm kiếm, lựa chọn nguồn tài liệu phù hợp.
 - Ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết.
- Giao tiếp hợp tác:
 - Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá các vấn đề.
 - Biết chủ động trong giao tiếp, tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.
- Sử dụng CNTT và truyền thông: Có thể sử dụng các phương tiện công nghệ để hỗ trợ tìm kiếm thông tin liên quan đến nội dung bài học.

❖ Năng lực địa lí

- Sử dụng các công cụ Địa lí học:
 - + Tìm kiếm, chọn lọc được thông tin từ các nguồn tin cậy để phân tích được vị thế của EU, một số biểu hiện về hợp tác và liên kết của EU.
 - + Đọc được bản đồ, sơ đồ, bảng số liệu, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu... để xác định quy mô, tổ chức, vị thế của EU.
- Vẽ được biểu đồ, nhận xét.
- Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí của EU, hệ thống hoá và trình bày theo chủ đề.
- Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm thông tin để cập nhật về địa lí của EU, về mục tiêu và hoạt động nổi bật của EU.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ, trung thực trong học tập, tìm hiểu kiến thức. Có trách nhiệm với các nhiệm vụ học tập của nhóm, của cá nhân.
- Ủng hộ các hoạt động hợp tác của Việt Nam và EU.



- Tôn trọng văn hóa và các thành tựu đạt được của EU.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Hình ảnh, thông tin về các hoạt động nổi bật của EU hiện nay.
- Các bản đồ về EU.
- Phiếu đánh giá sản phẩm nhóm.
- Đường link các trang web để HS tìm dữ liệu:
 - + https://europeanunion.europa.eu/index_en
 - + <https://data.worldbank.org>....

2. Học sinh

- Giấy note để làm việc cá nhân.
- Giấy khổ lớn (A1), bút màu để làm việc nhóm.
- Sách giáo khoa và tập ghi bài.
- Thiết bị có thể truy cập Internet, quét mã QR code.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động/Mở đầu (10 phút)

a) Mục tiêu

- Tạo kết nối cho bài học, phát triển năng lực giao tiếp, thống kê và ghi nhớ của học sinh.
- Kiểm tra kiến thức nền tảng về châu Âu của học sinh.
- Khởi gợi sự hứng thú, tính tò mò để học sinh học tập tích cực, sáng tạo hơn.



b) Nội dung

- Trò chơi “NHÀ THÔNG THÁI THẦN TỐC”

- **Phương tiện:** Giấy A4, phấn, bảng đen.

c) Sản phẩm

- Nội dung HS ghi ra giấy note các thông tin mình biết theo yêu cầu và ghi nhanh lên bảng.

d) Tổ chức thực hiện

- **Chuyển giao nhiệm vụ:**

Bước 1: GV chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu các nhóm chuẩn bị bút và một tờ giấy A4, phổ biến luật chơi.

Bước 2: Thực hiện trò chơi:

- Trong thời gian 8 phút, các nhóm sẽ thực hiện 2 lượt chơi:
- Lượt 1: 5 phút: các nhóm thảo luận ghi thông tin vào giấy A4 được phát, mỗi thông tin không dài quá 1 dòng tập.

- Lượt 2: 3 phút, các nhóm cử đại diện ghi lên bảng các thông tin mình đã thảo luận và ghi trên giấy (để tăng tốc, các nhóm có thể cho 2 bạn ghi hoặc 1 bạn đọc 1 bạn ghi,... miễn sao đội mình nhanh nhất có thể).

- Để gây tò mò và tăng tính hấp dẫn, GV sẽ nêu chủ đề sau cùng và phát hiệu lệnh “Bắt đầu”

Chủ đề: “Hãy cho tôi biết bạn biết gì về LIÊN MINH CHÂU ÂU”

- Nhóm có nhiều thông tin nhất ở mỗi lượt sẽ đạt điểm 10 và giảm dần điểm số theo thứ tự.

- Điểm số của trò chơi là tổng điểm của 2 lượt. Ở mỗi lượt, không kể thông tin ngắn dài, điểm được tính trên tổng số thông tin nhóm đã ghi ra được trong thời gian qui định. Với các thông tin lạ, gây thắc mắc, nhóm phải giải trình, nếu thỏa mãn yêu cầu sẽ được cộng thêm 1 điểm trên điểm tổng, không thỏa mãn sẽ bị gạch bỏ thông tin đó.

Bước 3: Tổng kết điểm trò chơi, phong danh hiệu “**NHÀ THÔNG THÁI THẦN TỐC**”, GV dẫn dắt vào bài.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới *(Xem thời gian hoạt động của từng nhiệm vụ để tổng hợp ra số tiết tương ứng)*

TIẾT 1

2.1. Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về QUY MÔ, MỤC TIÊU VÀ THẺ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA EU (30 phút)

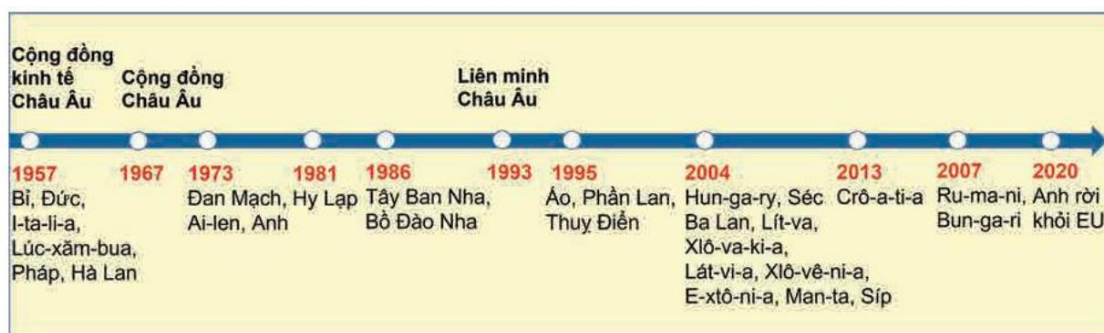
a) Mục tiêu

- Xác định được quy mô, mục tiêu, thẻ chế hoạt động của EU.
- Rèn luyện kỹ năng phân tích biểu đồ, số liệu, hình ảnh.

b) Nội dung

- Quan sát hình ảnh, bảng số liệu, sơ đồ để xác định các đặc điểm về quy mô, mục tiêu và thẻ chế hoạt động của EU.
- Hình ảnh:





- Bảng 9.1 trang 37 – SGK.

BẢNG 9.1. QUY MÔ CỦA EU QUA CÁC NĂM

Năm	Số thành viên (quốc gia)	Diện tích (nghìn km ²)	Số dân (triệu người)	GDP (nghìn tỉ USD)
1957	6	1 282,7	167,0	1,1
1993	12	2 452,6	349,1	6,8
1995	15	3 313,5	445,9	8,3
2004	25	4 666,7	457,2	11,4
2007	27	5 015,5	495,0	14,7
2013	28	5 072,1	506,0	15,3
2021	27	4 829,6	447,7	17,1

(Nguồn: Liên minh châu Âu và Ngân hàng Thế giới, 2022)

- Hình 9.1, 9.2, 9.3 SGK.

- Các câu hỏi đính kèm theo hình ảnh, bảng số liệu:

1. Dựa vào hình ảnh và bảng 9.1, em hãy trình bày quá trình hình thành và mở rộng quy mô của khối EU.
2. Khi thành lập theo hiệp ước Ma-xtrich năm 1993, EU thiết lập nên các mục tiêu phát triển như thế nào?
3. Dựa vào hình 9.3 và nội dung kiến thức SGK, liệt kê tên, vai trò, nhiệm vụ của các cơ quan đầu não trong EU.

c) Sản phẩm

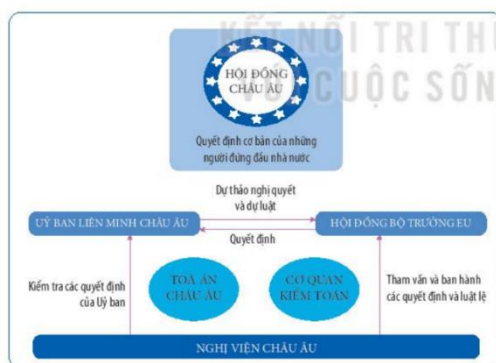
- Câu trả lời của học sinh và kiến thức tổng hợp từ giáo viên.

d) Tổ chức thực hiện

- **Chuyên giao nhiệm vụ:** HS chia lớp thành các nhóm 5 thành viên để tham gia hoạt động.



Hình 9.2. Ba trụ cột của EU theo hiệp ước Ma-xtrich



EM CÓ BIẾT?

Ngoài 4 cơ quan thể chế, EU còn có 3 cơ quan quản lý về tư pháp, tài chính và kiểm toán (Toà án Công lý của EU, Ngân hàng Trung ương châu Âu, Toà án Kiểm toán châu Âu). Các cơ quan khác phụ trách các lĩnh vực kinh tế, giáo dục, y tế, quốc phòng và môi trường,...

Hình 9.3. Các cơ quan thể chế của EU

➤ NHIỆM VỤ 1: Tìm hiểu về QUY MÔ của EU.

+ Các nhóm trả lời câu hỏi đính kèm 1.

+ Thời gian thảo luận, ghi câu trả lời ra giấy note: 7 phút.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm thảo luận, ghi lại câu trả lời của câu hỏi và phân công nhiệm vụ báo cáo.

- **Báo cáo, thảo luận:** Hết thời gian, GV gọi 2 nhóm đại diện ghi lại câu trả lời lên bảng, các nhóm còn lại đối chiếu kết quả, nhận xét, bổ sung nếu cần.

- **Kết luận, nhận định:**

+ GV tổng kết các câu trả lời (có thể liên hệ kiến thức liên môn lịch sử để HS hiểu rõ hơn về tính thiết yếu của việc thành lập EU), tổng hợp kiến thức, ghi điểm, hướng dẫn ghi bài.

+ **GV có thể yêu cầu HS tìm hiểu, giải thích vì sao trên lá cờ chung của EU có 12 ngôi sao mà không phải là số lượng khác theo số lượng thành viên (nếu chưa được giải thích ở phần khởi động).**

➤ NHIỆM VỤ 2: Tìm hiểu về MỤC TIÊU của EU.

+ Các nhóm trả lời câu hỏi đính kèm 2.

+ GV chỉ định các nhóm trả lời vòng tròn cho đến khi đủ ý.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm thảo luận, tìm câu trả lời và trả lời các nội dung khi được gọi đến theo vòng tròn, mỗi nhóm chỉ nêu 1 ý cho câu trả lời.

- **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi ngẫu nhiên 2 học sinh lần lượt xác nhận, nhận xét các ý nội dung đã được ghi trên bảng về mục tiêu hoạt động của EU.
- **Kết luận, nhận định:** GV chốt kiến thức (*lưu ý các mục tiêu theo hiệp ước Ma-xtrich là mục tiêu được đưa ra từ khi thành lập, còn mục tiêu hoạt động hiện nay được mở rộng và hoàn thiện thêm từ hiệp ước Lit-xbon – 2009*), hướng dẫn ghi bài.

➤ **NHIỆM VỤ 3: Tìm hiểu về THỂ CHẾ HOẠT ĐỘNG của EU.**

- + Các nhóm trả lời câu hỏi đính kèm 3.
- + Xếp theo số thứ tự nhóm để lên bảng ghi kết quả câu trả lời, mỗi nhóm ghi tên, vai trò của 1 cơ quan.
- **Thực hiện nhiệm vụ, báo cáo:** Các nhóm ghi nhanh câu trả lời ra giấy note, sau đó cử thành viên lên bảng ghi lại nội dung tương ứng với nhóm mình. Ví dụ, nhóm 1 là Hội đồng châu Âu, nhóm 2 là Nghị viện châu Âu,....
- **Kết luận, nhận định:**
 - + GV tổng hợp kiến thức, giảng giải thêm về các nhóm cơ quan trong EU, hướng dẫn ghi bài.
 - + GV dặn dò HS về nhà tìm các tư liệu liên quan đến vai trò, vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới hiện nay.

TIẾT 2 & 3

2.2. Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về VỊ THẾ CỦA EU TRONG NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI

a) Mục tiêu

- Xác định và phân tích được vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới và một số biểu hiện của hợp tác và liên kết trong khu vực.
- + Tìm kiếm, chọn lọc được thông tin từ các nguồn tin cậy để phân tích được vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới.
- + Đọc được bản đồ, sơ đồ, bảng số liệu, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.... để xác định vị thế của EU.
- Vẽ được các biểu đồ liên quan, nhận xét số liệu, tư liệu.

b) Nội dung

- Quan sát hình ảnh, bảng số liệu, sơ đồ, video để xác định các đặc điểm về các chỉ số kinh tế, vai trò, vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới.
- Hoạt động: Cá nhân/Cặp đôi/Nhóm.
- HS thiết kế sản phẩm học tập => báo cáo.

c) Sản phẩm

- Sản phẩm học tập do học sinh thiết kế: có thể là infographic, mindmap, brochuse, ...
- Câu trả lời của học sinh ở mỗi nội dung và kiến thức tổng hợp từ giáo viên.

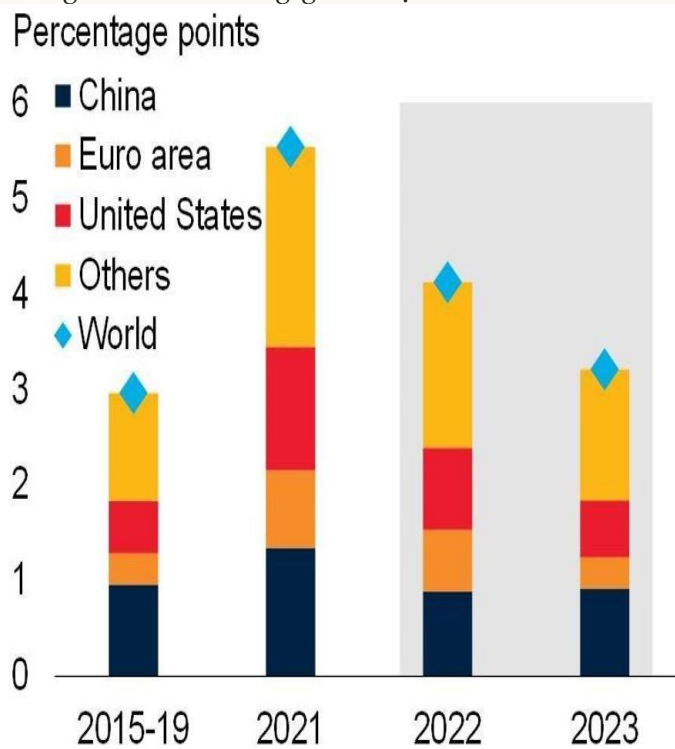
d) Tổ chức thực hiện

❖ **NHIỆM VỤ 1: Tìm hiểu về QUY MÔ NỀN KINH TẾ EU**

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** Học sinh thảo luận theo cặp đôi hoặc nhóm 4. Theo dõi các hình ảnh, tư liệu được cung cấp, rút ra kết luận về quy mô GDP, các nước có nền kinh tế phát triển hàng đầu EU.

- Hình ảnh:

Biểu đồ dự báo tăng trưởng toàn cầu trong giai đoạn 2021-2023. Các số liệu đưa ra từ



GDP bình quân thực tế tính theo tỷ giá đô la Mỹ và tỷ giá hối đoái. Nguồn: World Bank.

- Một số chỉ số của các nền kinh tế hàng đầu thế giới, năm 2021.

Chỉ số	EU	Hoa Kỳ	Trung Quốc	Nhật Bản
GDP (tỉ USD)	17 088,6	22 996,1	17 734,1	4 937,4
Tỉ trọng trong GDP của thế giới (%)	17,8	23,9	18,5	5,1
Tỉ trọng xuất khẩu trong GDP (%)	50,7	9,2	20,0	18,6
Tỉ trọng trong xuất khẩu của thế giới (%)	31,0	9,2	12,7	3,3

(Nguồn: WB, 2022)

Có liên quan	Cuối cùng	Trước	Đơn vị	Thẩm quyền giải quyết
Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm	1,00	1,70	phần trăm	tháng 3 năm 2023
GDP	16641.39	17187.87	tỷ USD	tháng 12 năm 2022
Tăng trưởng GDP cả năm	3,50	5,40	phần trăm	tháng 12 năm 2022
Tăng trưởng GDP hàng năm	1,00	-0,50	phần trăm	tháng 3 năm 2023
Tốc độ tăng trưởng GDP	0,10	-0,20	phần trăm	tháng 3 năm 2023
GDP bình quân đầu người PPP	45712.88	44185.79	đô la Mỹ	tháng 12 năm 2022
GDP bình quân đầu người	33961.76	32857.47	đô la Mỹ	tháng 12 năm 2022

- Xếp hạng các quốc gia theo GDP danh nghĩa:

<https://www.youtube.com/watch?v=bhpYjxSI16w>

- Top 10 nước có GDP cao nhất Châu Âu:

<https://www.youtube.com/watch?v=dSBEIfGoz0k>

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận, hoàn thành yêu cầu.

- **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi 3 học sinh lên ghi bảng kết quả đã ghi nhận. Các học sinh khác nhận xét, bổ sung nếu cần.

- **Kết luận, nhận định:** GV chốt kiến thức.

❖ **NHIỆM VỤ 2 & 3: Tìm hiểu về MỘT SỐ LĨNH VỰC DỊCH VỤ và MỘT SỐ LĨNH VỰC SẢN XUẤT**

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** lớp chia thành 8 nhóm để thực hiện nhiệm vụ.

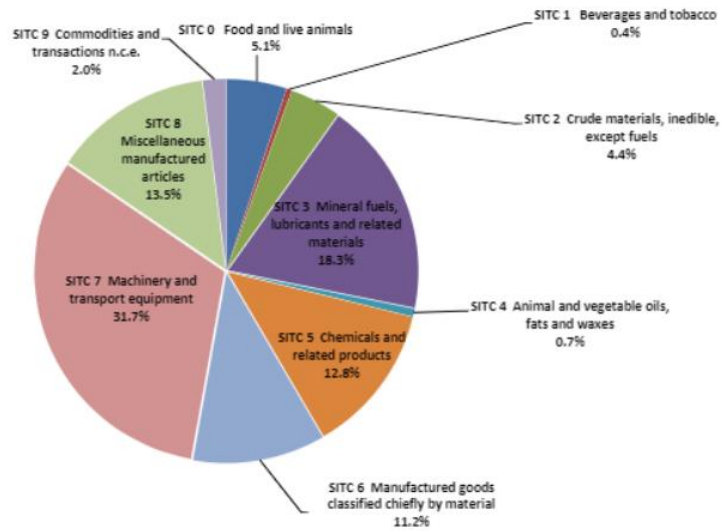
- + Yêu cầu: trả lời các nội dung PHT bằng cách thiết kế thành sản phẩm học tập, có thể là infographic, mindmap, brochuse, ..., đoạn phim ngắn bằng hình ảnh,....
- + Nhóm 1 và 2: thực hiện các yêu cầu của PHT số 1.

\

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

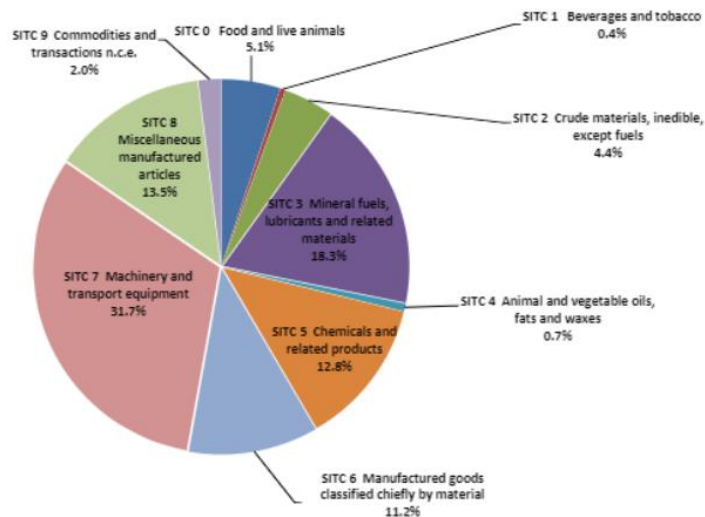
- Tham khảo trang web <https://tradingeconomics.com/european-union/exports-by-category> và biểu đồ

EU imports of goods from extra-EU by sector, 2021 shares (%)



Source: Eurostat (Comext)

EU imports of goods from extra-EU by sector, 2021 shares (%)



Source: Eurostat (Comext)

- ⇒ Liệt kê các mặt hàng xuất, nhập khẩu chủ lực của EU.
- ⇒ Nhận xét về cán cân thương mại của EU.
- ⇒ Đọc nội dung bài báo ở trang <https://baochinhphu.vn/kim-ngach-thuong-mai-hai-chieu-viet-nam-eu-tang-gan-15-102220929175730832.htm>. Cho biết đặc điểm kim ngạch 2 chiều Việt Nam – EU.
- ⇒ Rút ra ảnh hưởng của EU đối với ngành thương mại quốc tế.

+ Nhóm 3 và 4: thực hiện các yêu cầu của PHT số 2.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

- Tham khảo thông tin từ internet, tìm các thông tin về FDI và ODA của EU
- + Đối với thế giới.
- + Đối với Việt Nam: <https://tinyurl.com/4fucb7vm>
- ⇒ Các lĩnh vực EU tập trung đầu tư.
- + Các quốc gia nhận nguồn ODA của EU.

+ Nhóm 5 và 6: thực hiện các yêu cầu của PHT số 3.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

- Tham khảo thông tin từ internet, tìm các thông tin về hoạt động tài chính – ngân hàng của EU
- + Các quốc gia là trung tâm tài chính lớn trong EU.
- + Hoạt động tài chính nổi bật của EU (ví dụ: ngân hàng Thụy Sĩ, đồng EURO...)
- ⇒ Ảnh hưởng của EU về mặt tài chính đối với nền kinh tế toàn cầu.

+ Nhóm 7 và 8: thực hiện các yêu cầu của PHT số 4.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

- Tham khảo thông tin từ internet, tìm các thông tin về một số lĩnh vực sản xuất của EU:
 1. Kể tên các ngành sản xuất có vị trí cao trên thế giới của EU.
 2. EU đứng đầu thế giới về các sản phẩm công nghiệp nào?
 3. Kể tên các sản phẩm hàng hóa của EU mà em từng sử dụng hoặc từng biết qua.

- Thực hiện nhiệm vụ:

- + Các nhóm HS thảo luận, hoàn thành yêu cầu.
- + Phân nhóm, phân công nhiệm vụ, tìm tư liệu: trong tiết học trên lớp.
- + Hoàn thiện sản phẩm học tập: ở nhà.

- Báo cáo, thảo luận: thực hiện ở tiết học tiếp theo.

- + Các nhóm nộp sản phẩm học tập, lần lượt các cặp nhóm hoạt động theo nội dung sẽ lên bảng báo cáo kết quả làm việc của nhóm – một nhóm báo cáo, nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.

- + Các nhóm còn lại theo dõi để tiếp nhận kiến thức, đặt câu hỏi nếu không rõ vấn đề.

- Kết luận, nhận định: GV nhận xét hoạt động, chốt kiến thức ở mỗi nhóm nội dung, hướng dẫn nội dung ghi bài.

TIẾT 4

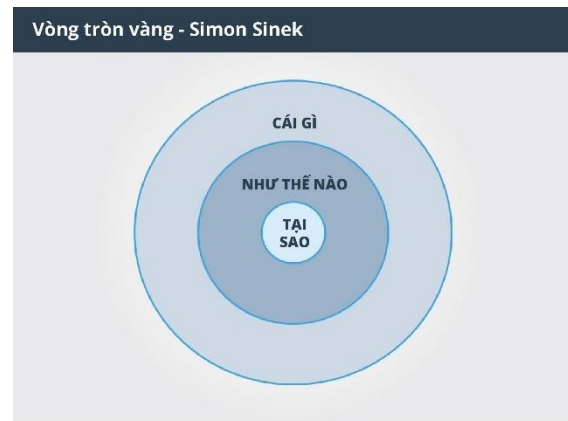
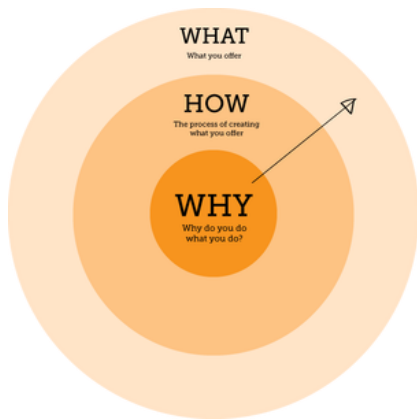
2.3. Hoạt động 2.3: Tìm hiểu về MỘT SỐ BIỂU HIỆN CỦA HỢP TÁC VÀ LIÊN KẾT TRONG EU.

a) Mục tiêu

- Xác định được các lĩnh vực chính được liên kết, hợp tác phát triển trong EU và nhận thấy, phân tích được lợi ích từ các lĩnh vực hợp tác này.
- Rèn luyện kỹ năng phân tích biểu đồ, số liệu, hình ảnh, video.

b) Nội dung

- Học sinh thiết kế SƠ ĐỒ với nội dung là các câu trả lời cho các câu hỏi theo nguyên lý VÒNG TRÒN VÀNG về sự hợp tác, liên kết trong EU:



1. Tại sao các thành viên trong EU lại thực hiện nhiều liên kết trong các lĩnh vực khác nhau?
2. Các liên kết trong EU được thực hiện như thế nào?
3. Cái gì được thể hiện rõ nhất trong các lĩnh vực liên kết của EU?

- **Lưu ý:** Các nhóm HS có thể thiết kế nhiều dạng sơ đồ khác nhau, miễn sao đáp ứng được các yêu cầu về nội dung.

c) Sản phẩm

- Câu trả lời của học sinh.
- Thông tin phản hồi từ GV.
 1. *Tại sao các thành viên trong EU lại thực hiện nhiều liên kết trong các lĩnh vực khác nhau?*
 - ⇒ Do sự thống nhất và hợp tác của Liên minh mang lại cho EU sức mạnh to lớn trong nền kinh tế toàn cầu ở rất nhiều lĩnh vực.
 2. *Các liên kết trong EU được thực hiện như thế nào?*
 - Thiết lập một EU tự do, an ninh và công lí:
 - + Thực hiện 4 mặt tự do lưu thông.
 - + Xây dựng thị trường chung châu Âu.
 - + Thực hiện chính sách an ninh và thực thi công lí chung.
 - Hình thành một liên minh kinh tế và tiền tệ với đồng tiền chung Ô-rô: Thực hiện một chính sách kinh tế và sử dụng một hệ thống tiền tệ chung.
 - Hợp tác chuyển đổi kĩ thuật số và phát triển bền vững:
 - + Các nước EU cùng hợp tác để tiếp cận và điều tiết thị trường toàn cầu, thiết lập tiêu chuẩn công nghệ và truy cập, kiểm soát dữ liệu.
 - + Thống nhất thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xanh.
 - ⇒ Như vậy, sự hợp tác của EU rất toàn diện, cả về kinh tế, chính trị và môi trường tài nguyên. Việc hình thành một liên minh kinh tế và tiền tệ chứng tỏ mức độ hợp tác sâu sắc, chặt chẽ và mức độ liên kết rất cao của EU.
 3. *Cái gì được thể hiện rõ nhất trong các lĩnh vực liên kết của EU?*
 - ⇒ Mục tiêu phát triển chung được thiết lập từ hiệp ước Ma-xtrich và hiệp ước Li-xbon.

d) Tổ chức thực hiện

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** HS chia lớp thành các nhóm 5 thành viên để tham gia hoạt động.
 - + Bước 1: Các nhóm thảo luận trả lời 3 câu hỏi trong VÒNG TRÒN VÀNG.
 - + Thời gian thảo luận, ghi câu trả lời ra giấy note: 10 phút.
 - + Bước 2: Các nhóm dựa vào câu trả lời đã hoàn thiện, thiết kế sơ đồ thể hiện sự hợp tác, liên kết của các thành viên EU trong một số lĩnh vực tiêu biểu trong thời gian 15 phút.
- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm tiếp nhận yêu cầu, thảo luận, thực hiện bước 1, bước 2 theo yêu cầu và phân công nhiệm vụ báo cáo.
- **Báo cáo, thảo luận:** HS nộp sản phẩm của nhóm, GV sẽ rút ngẫu nhiên 3 sản phẩm dán lên bảng, yêu cầu học sinh báo cáo, mỗi nhóm báo cáo trong khoảng thời gian 3 phút, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung cho nhóm báo cáo..
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét hoạt động, chốt kiến thức, đưa thông tin phản hồi và hướng dẫn ghi bài.



3. Hoạt động 3: Luyện tập (7 phút)

a) Mục tiêu

- Củng cố kiến thức bài học.
- Thay đổi không khí, kết thúc bài học vui vẻ, sôi động.

b) Nội dung

- Trò chơi ĐÈN XANH - ĐÈN ĐỎ.
- Hoạt động cặp đôi; có thưởng/phạt.

c) Sản phẩm

- Kết quả tham gia trò chơi của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện

- Chuyển giao nhiệm vụ:

+ Bước 1: GV phân không gian lớp thành 3 nhóm gồm:

- Nhóm không gian 1: **ĐÈN ĐỎ - LƯỜNG LỰ.**
- Nhóm không gian 2: **ĐÈN VÀNG - NGUYÊN NHÂN.**
- Nhóm không gian 3: **ĐÈN XANH - KẾT QUẢ.**

+ Bước 2: Mỗi cặp HS sẽ được nhận 1 thẻ kiến thức nhỏ có 1 nội dung kiến thức về EU đã được thiết kế theo 2 nội dung là NGUYÊN NHÂN và KẾT QUẢ. 2 bạn sẽ có 1 phút hội ý xem thẻ kiến thức của mình thuộc nhóm không gian nào: NGUYÊN NHÂN hay KẾT QUẢ, nếu không tìm ra được thì sẽ chọn nhóm không gian thứ 1 là LƯỜNG LỰ.

+ Bước 3: GV hoặc 1 HS hô to khẩu hiệu **BẬT ĐÈN**, cả lớp di chuyển về nhóm không gian 1, 2 hoặc 3 đã được chỉ định



- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm nhận thẻ kiến thức, hội ý và di chuyển về không gian của mình.

- **Báo cáo, kết luận:** GV trình chiếu kết quả. Các nhóm chọn đúng không gian được điểm cộng; chọn sai không gian và đang ở nhóm ĐÈN ĐỎ - LƯỜNG LỰ sẽ bị nhóm đúng phạt tùy thích.

4. Hoạt động 4: Vận dụng (Chủ yếu hướng dẫn, giao về nhà thực hiện)

a) Mục tiêu:

- Phát triển năng lực của học sinh thông qua vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn.

b) Nội dung: Trả lời câu hỏi

1. Trả lời câu hỏi 1 và 2 phần Luyện tập – trang 43 – SGK.
2. Tìm tư liệu về sự phát triển công nghiệp của Cộng hòa liên bang Đức.

c) Sản phẩm:

- Câu trả lời của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** HS ghi nhận các câu hỏi 1 và 2.
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.
- **Báo cáo, thảo luận:** Trả lời câu hỏi trong tiết học tiếp theo.
- **Kết luận, nhận định:** GV tổng kết tiết học.

IV. PHỤ LỤC

1. THÔNG TIN PHẢN HỒI PHIẾU HỌC TẬP:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

⇒ Liệt kê các mặt hàng xuất, nhập khẩu chủ lực của EU:

● Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực: máy móc, thiết bị; dược phẩm; xe có động cơ; hóa chất; máy tính, điện tử và sản phẩm quang học; một số sản phẩm khác.

● Các mặt hàng nhập khẩu: Máy tính, điện tử và sản phẩm quang học; dầu thô và khí tự nhiên; hóa chất, máy móc thiết bị và kim loại cơ bản; một số sản phẩm khác.

⇒ Nhận xét về cán cân thương mại của EU.

● EU luôn có cán cân thương mại dương => LÀ KHU VỰC XUẤT SIÊU.

⇒ Đọc nội dung bài báo ở trang <https://baochinhphu.vn/kim-ngach-thuong-mai-hai-chieu-viet-nam-eu-tang-gan-15-102220929175730832.htm> Cho biết đặc điểm kim ngạch 2 chiều Việt Nam – EU.

...EU hiện là đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam và là thị trường xuất khẩu lớn thứ 3, thị trường nhập khẩu lớn thứ 5 của Việt Nam, theo số liệu từ Tổng cục Hải quan...

...Theo tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan, trong năm thứ 2 thực thi EVFTA (từ tháng 8/2021 đến tháng 7/2022), tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 61,4 tỷ USD, tăng 11,9% so với năm đầu tiên hiệp định có hiệu lực, trong đó, xuất khẩu đạt 45 tỷ USD, tăng 17% và nhập khẩu đạt 16,4 tỷ USD, tăng nhẹ 0,2%...

⇒ Rút ra ảnh hưởng của EU đối với ngành thương mại quốc tế.

EU đã tạo ra một thị trường quan trọng của thế giới, đẩy mạnh thương mại giữa 15 nước thành viên và phụ thuộc nhiều vào thương mại quốc tế. Tuy chỉ chiếm 6% dân số thế giới nhưng EU đã chiếm tới 1/5 trị giá thương mại toàn cầu. Hiện nay, EU là khối thương mại mở lớn nhất thế giới và là thành viên chủ chốt của Tổ chức thương mại thế giới (WTO), chiếm khoảng 40% tổng kim ngạch thương mại toàn cầu (gồm cả kim ngạch xuất nhập khẩu).

+ Nhóm 3 và 4: thực hiện các yêu cầu của PHT số 2.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

- Tham khảo thông tin từ internet, tìm các thông tin về FDI và ODA của EU

+ Đối với thế giới: EU chiếm 23,3% nguồn vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài; nguồn vốn ODA đứng đầu thế giới với số tiền hỗ trợ 19 tỉ USD – năm 2021, chiếm hơn 60% tổng viện trợ của thế giới.

+ Đối với Việt Nam: <https://tinyurl.com/4fucb7vm>

- *Hiện Liên minh châu Âu (EU) là nhà đầu tư nước ngoài lớn thứ 5 tại Việt Nam với tổng vốn đầu tư trực tiếp đăng ký lũy kế đến tháng 8/2022 đạt 27,6 tỷ USD. Tính riêng 8 tháng năm 2022, tổng vốn đăng ký đầu tư của EU tại Việt Nam đạt 2,2 tỷ USD, tăng 69,6% so với cùng kỳ năm ngoái, với 104 dự án cấp mới.*

- *EU là nhà cung cấp viện trợ phát triển ODA không hoàn lại lớn nhất cho Việt Nam. Giai đoạn 1993-2013, ODA của EU chiếm 20% tổng cam kết của các nhà tài trợ quốc tế đối với Việt Nam, trong đó viện trợ không hoàn lại là 1,5 tỉ USD. Giai đoạn 2014 - 2020, EU đã viện trợ 400 triệu EURO cho Việt Nam, tập trung vào các lĩnh vực năng lượng bền vững và tăng cường năng lực thể chế. Các dự án ODA của EU đã hỗ trợ hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam. Hai bên còn đẩy mạnh hợp tác về văn hóa nghệ thuật, bảo tồn di sản, giáo dục, giao lưu nhân dân...*

- Các lĩnh vực EU tập trung đầu tư: công nghiệp chế biến, chế tạo; sản xuất phân phối điện và kinh doanh bất động sản; các ngành dịch vụ (như logistics, bưu chính viễn thông,

- tài chính, văn phòng cho thuê, bán lẻ), hay lĩnh vực năng lượng sạch, công nghiệp phụ trợ, chế biến thực phẩm, nông nghiệp, công nghệ cao, dược phẩm...

+ Các quốc gia nhận nguồn ODA của EU: chủ yếu là các nước đang phát triển ở Châu Á, châu Phi, Nam Mỹ.

+ Nhóm 5 và 6: thực hiện các yêu cầu của PHT số 3.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

- Tham khảo thông tin từ internet, tìm các thông tin về hoạt động tài chính – ngân hàng của EU

+ Các quốc gia là trung tâm tài chính lớn trong EU.

⇒ Các thành phố tài chính lớn ở EU: Phờ-răng Phuốc, Pa-ri, Lúc-xăm-bua, Am-xtec-đam.

+ Hoạt động tài chính nổi bật của EU (ví dụ: ngân hàng Thụy Sĩ, đồng EURO...)

⇒ Ảnh hưởng của EU về mặt tài chính đối với nền kinh tế toàn cầu:

- Tập trung nhiều trung tâm tài chính lớn của thế giới.

- Có nhiều ngân hàng lớn với nhiều chi nhánh trên toàn cầu, chi phối và ảnh hưởng mạnh đến nền tài chính, tiền tệ thế giới.

+ Nhóm 7 và 8: thực hiện các yêu cầu của PHT số 4.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

- Tham khảo thông tin từ internet, tìm các thông tin về một số lĩnh vực sản xuất của EU:

1. Kể tên các ngành sản xuất có vị trí cao trên thế giới của EU.

+ Chế tạo máy bay, ô tô, hóa chất, các ngành hàng không – vũ trụ, sản xuất hàng tiêu dùng.

2. EU đứng đầu thế giới về các sản phẩm công nghiệp nào?

+ Dược phẩm (62,9%), máy bay 69,3%), ô tô (49,7%), máy công cụ (55,1%)

3. Kể tên các sản phẩm hàng hóa của EU mà em từng sử dụng hoặc từng biết qua.

+ Giày, quần áo, dụng cụ thể thao.

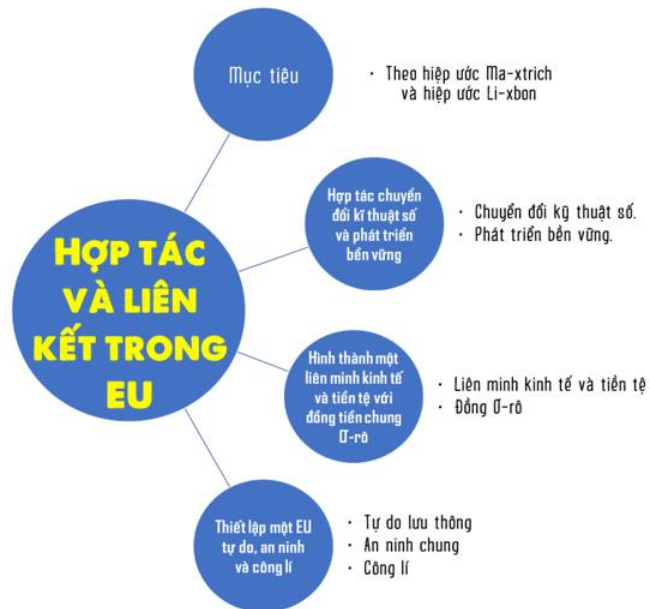
+ Các hãng xe ô tô.

+ Các nông sản ôn đới.

+ Mỹ phẩm, nước hoa,...

2. GỢI Ý MỘT SỐ SƠ ĐỒ BIỂU HIỆN CỦA HỢP TÁC VÀ LIÊN KẾT TRONG EU (HS có thể vẽ nhiều dạng sơ đồ khác nhau)





3. THẺ KIẾN THỨC LUYỆN TẬP (GV cắt nhỏ từng câu thành 1 thẻ)

NGUYÊN NHÂN:

- Yêu cầu liên kết để phát triển và tăng cường vị thế.
- Hiệp ước Ma-xtrich.
- Hiệp ước Li-xbon.
- Mở rộng không gian thành viên.

- Hội nhập sâu rộng vào thị trường toàn cầu.
- Đưa ra các mục tiêu cụ thể và thể chế hợp lý.
- Tự do lưu thông.
- Liên minh kinh tế và tiền tệ.
- Thống nhất thực hiện mục tiêu phát triển xanh.
- Đẩy mạnh sự hợp tác ở các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội trên cơ sở tự nguyện.
- Xây dựng và phát triển một khu vực tự do lưu thông hàng hóa, dịch vụ, con người, tiền vốn giữa các nước thành viên.
- Tăng cường hợp tác, liên kết kinh tế, luật pháp, an ninh và ngoại giao.
- Kinh tế EU phụ thuộc nhiều vào xuất nhập khẩu.
- Các nước dỡ bỏ thuế quan với nhau và có chung một mức thuế.

KẾT QUẢ

- Hình thành nên thị trường chung và sử dụng đồng tiền chung (Euro).
- EU - trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới.
- Có sự chênh lệch về trình độ giữa các nước thành viên.
- EU dẫn đầu thế giới về thương mại.
- EU là bạn hàng lớn nhất của các nước đang phát triển.
- EU hạn chế nhập nhiều mặt hàng công nghiệp và trợ giá cho nông sản.
- Xóa bỏ những trở ngại trong phát triển kinh tế.
- Thực hiện một chính sách thương mại với các nước ngoài liên minh Châu Âu.
- Tăng cường sức mạnh kinh tế và khả năng cạnh tranh của EU đối với các trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.
- Nâng cao sức cạnh tranh của thị trường nội địa châu Âu.
- Thủ tiêu rủi ro khi chuyển đổi tiền tệ.
- Tạo thuận lợi cho việc chuyển giao vốn trong EU.
- Đơn giản hóa công tác kế toán của các doanh nghiệp đa quốc gia.
- Tăng cường liên kết và nhất thể hóa thể chế ở châu Âu.

4. NỘI DUNG BÀI HỌC

I. QUY MÔ, MỤC TIÊU VÀ THỂ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA EU

1. Quy mô

- Sau chiến tranh thế giới lần 2, các nước Tây Âu đã có nhiều hoạt động để đẩy mạnh sự liên kết, tạo tiền đề cho sự ra đời của EU :

- + Năm 1951 : 6 nước Pháp, CHLB Đức, Italia, Bỉ, Hà Lan và Luc-xăm-bua thành lập Cộng đồng than và thép Châu Âu.
- + Năm 1957 và năm 1958 : 6 nước trên tiếp tục thành lập Cộng đồng kinh tế châu Âu và Cộng đồng nguyên tử châu Âu.
- + Năm 1967 : các tổ chức trên hợp nhất thành Cộng đồng châu Âu.
- + Năm 1993 : với hiệp ước Ma-xtrich, Cộng đồng châu Âu đổi tên thành Liên minh châu Âu.

- Số lượng các thành viên tăng liên tục: năm 1957 có 6 thành viên, đến năm 2021 là 27 thành viên.

- EU được mở rộng theo nhiều hướng khác nhau của không gian địa lí (*CH Síp là một quốc gia thuộc khu vực Tây Nam Á cũng được gia nhập EU*).

- Mức độ liên kết thống nhất ngày càng cao.

2. Mục tiêu

- Xây dựng và phát triển liên minh kinh tế và tiền tệ chung.

- Liên minh chính trị với chính sách đối ngoại, an ninh chung và hợp tác về tư pháp, nội vụ.

=> Xây dựng một khu vực tự do và liên kết chặt chẽ.

3. Thể chế hoạt động của EU

- Các cơ quan đầu não của EU:

+ Hội Đồng Châu Âu: là cơ quan thể chế có quyền lực cao nhất.

+ Nghị viện Châu Âu: là cơ quan làm luật, đại diện cho công dân EU.

+ Ủy ban liên minh Châu Âu: là cơ quan điều hành luật, đại diện cho lợi ích chung của EU.

+ Hội đồng Bộ trưởng: đại diện cho các Chính phủ và là nơi để thảo luận về các dự thảo luật.

+ Tòa án châu Âu, Cơ quan kiểm toán, Ngân hàng trung ương châu Âu là 3 cơ quan quản lí về tư pháp, tài chính và kiểm toán.

- Những cơ quan này quyết định các vấn đề quan trọng về kinh tế và chính trị, thể chế của EU ngày càng hoàn thiện theo hướng gắn kết chặt chẽ hơn giúp nâng cao tính đoàn kết, sự thịnh vượng và vị thế của EU trên thế giới.

II. VỊ THẾ CỦA EU TRONG NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI

1. Quy mô nền kinh tế:

- EU là khu vực có quy mô kinh tế lớn, đứng thứ 3 toàn cầu, chiếm 17,8% GDP toàn cầu (năm 2021).

- Ba nền kinh tế lớn nhất EU là CHLB Đức, Pháp và Italia thuộc nhóm 7 quốc gia có nền kinh tế phát triển hàng đầu thế giới.

2. Một số lĩnh vực dịch vụ:

- Một số lĩnh vực dịch vụ của EU có vị thế cao trên thế giới là thương mại, đầu tư nước ngoài và tài chính ngân hàng.

3. Một số lĩnh vực sản xuất:

- Một số lĩnh vực sản xuất của EU có vị thế cao trên thế giới là công nghiệp chế tạo, các sản phẩm ứng dụng khoa học – công nghệ cao.

III. MỘT SỐ BIỂU HIỆN CỦA HỢP TÁC VÀ LIÊN KẾT TRONG EU

Sức mạnh của EU đến từ sự thống nhất và hợp tác của Liên minh. Biểu hiện:

– Thiết lập một EU tự do, an ninh và công lí:

+ Thực hiện 4 mặt tự do lưu thông.

+ Xây dựng thị trường chung châu Âu.

+ Thực hiện chính sách an ninh và thực thi công lí chung.

– Hình thành một liên minh kinh tế và tiền tệ với đồng tiền chung Ô-rô: Thực hiện một chính sách kinh tế và sử dụng một hệ thống tiền tệ chung.

– Hợp tác chuyển đổi kĩ thuật số và phát triển bền vững:

+ Các nước EU cùng hợp tác để tiếp cận và điều tiết thị trường toàn cầu, thiết lập tiêu chuẩn công nghệ và truy cập, kiểm soát dữ liệu.

+ Thống nhất thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xanh.

Như vậy, sự hợp tác của EU rất toàn diện, cả về kinh tế, chính trị và môi trường tài nguyên. Việc hình thành một liên minh kinh tế và tiền tệ chứng tỏ mức độ hợp tác sâu sắc, chặt chẽ và mức độ liên kết rất cao của EU.

Tiết 21 - Bài 10. THỰC HÀNH: VIẾT BÁO CÁO VỀ SỰ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CỦA CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

(01 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Tìm kiếm, xác định các thông tin chính thống về các đặc điểm của CHLB Đức như khái quát chung ngắn gọn về vị trí, tự nhiên, dân cư, xã hội ; tình hình phát triển kinh tế, công nghiệp của nước Đức.

- Viết được báo cáo tìm hiểu về sự phát triển công nghiệp của CHLB Đức.

2. Về năng lực

- Sử dụng các công cụ Địa lí học để tìm kiếm, chọn lọc được thông tin từ các nguồn tin cậy để viết được báo cáo về sự phát triển công nghiệp của CHLB Đức.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ, có tinh thần trách nhiệm, tự giác trong học tập.

- Nhận thức vai trò của thế hệ trẻ trong việc xây dựng và phát triển đất nước theo hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa từ những thành tựu kinh tế nổi bật và tính cách, tinh thần chủ động, làm việc có kế hoạch, đúng giờ giấc và thẳng thắn, rõ ràng của người Đức.



II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên (Nêu rõ tên, không nói chung chung như bản đồ, biểu đồ)

- Bản đồ châu Âu.
- Bản đồ phân bố các trung tâm và các ngành công nghiệp ở Đức.
- Video/hình ảnh về nền công nghiệp của CHLB Đức.
- Sơ đồ kiến thức về các ngành công nghiệp nổi bật của CHLB Đức.
- Bảng số liệu cho các TRẠM DỮ LIỆU SỐ trong hoạt động.
- Phiếu học tập làm việc nhóm.
- Bài trình chiếu
- Băng keo trong, nam châm gắn bảng
- Tiêu chí đánh giá sản phẩm vận dụng ở nhà.
- Thông tin khởi động.

2. Học sinh

- Giấy note để làm việc cá nhân.
- Bút màu để làm việc nhóm.
- Sách giáo khoa và vở ghi.
- Thiết bị có thể truy cập Internet, quét mã QR.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (3-5 phút)

a) Mục tiêu

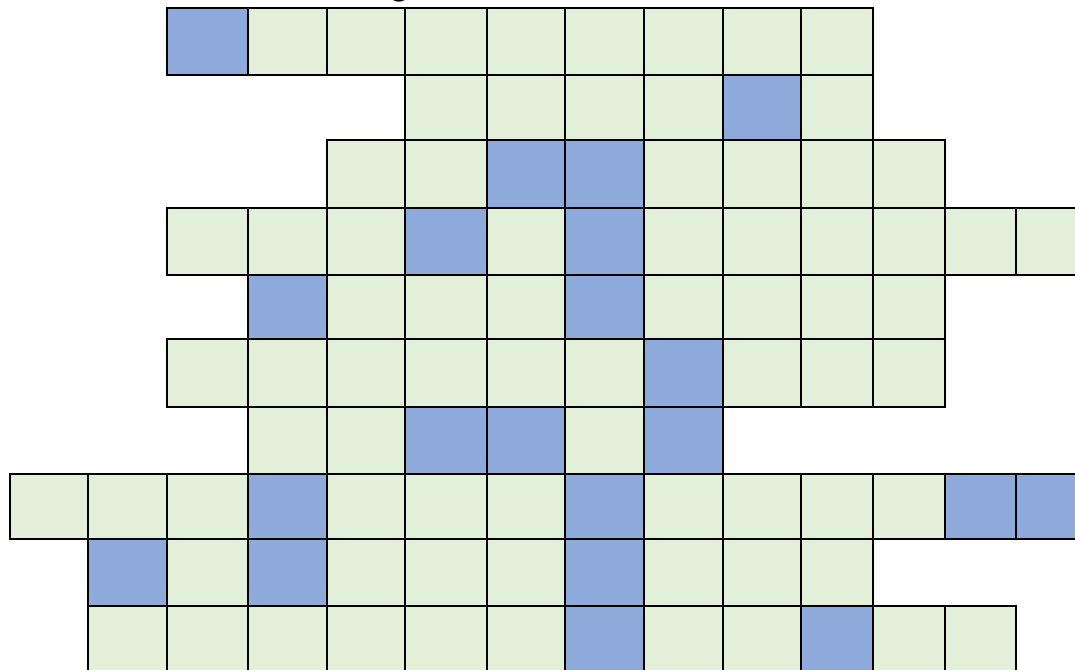
- Tạo kết nối nội dung bài học với kiến thức thực tế hiểu biết của học sinh.
- Tạo tính hứng khởi để mở đầu bài học và dẫn dắt nội dung kiến thức.

b) Nội dung

- Trò chơi Ô CHỮ KIẾN THỨC.
- Chủ đề: CÙNG ĐẾN NƯỚC ĐỨC

CÙNG ĐẾN NƯỚC ĐỨC

Có 10 hàng ngang với các đặc điểm nổi bật có ở nước Đức, bạn hãy cùng khám phá và tìm ra đặc điểm ẩn sau các ô vuông được tô màu đậm nhé!



1. Một đặc trưng của kiến trúc thời Trung cổ còn tồn tại rất nhiều ở nước Đức.
2. Loại thức uống phổ biến nhất nước Đức.
3. Nhà soạn nhạc lừng danh người Đức, tác giả 1 trong những tác phẩm kinh điển - Sonate Ánh trăng.
4. Đội bóng mạnh nhất nước Đức là đội bóng nào?
5. Món ăn nổi tiếng thế giới với cái tên có nguồn gốc từ thành phố Hamburg (Hăm-buốc).
6. Một món ăn đặc sản của nước Đức được chế biến từ thịt lợn và thịt bò xay nhuyễn.
7. Một loại bánh là thực phẩm thiết yếu của người Đức.
8. Biểu tượng của chiến tranh và sự chia cắt nước Đức trong lịch sử là nơi nào?
9. Một cầu thủ bóng đá lừng danh thế giới ở vị trí thủ thành của nước Đức.
10. Hãng xe ô tô có tên gọi được lấy từ của một cô gái.

T U T T E N H U U U H I T G I N O I K E E

Giải mã từ khóa:

N E N K I N H T E

- Tìm kiếm, xác định các thông tin chính thống về các đặc điểm của CHLB Đức như khái quát chung ngắn gọn về vị trí, tự nhiên, dân cư, xã hội ; tình hình phát triển kinh tế, công nghiệp của nước Đức.
- Xác định các nội dung cần thiết để viết bài báo cáo.

b) Nội dung

- Hình thức hoạt động: nhóm.

- Các nhóm thiết lập dàn ý cho bài báo cáo theo yêu cầu cần có các nội dung sau:
 - + Khái quát sơ lược về CHLB Đức.
 - + Tình hình phát triển nền công nghiệp của CHLB Đức: về điều kiện phát triển, giá trị sản xuất, tỉ trọng trong cơ cấu GDP, các ngành công nghiệp nổi bật và phân bố các trung tâm công nghiệp.
 - + Hướng phát triển công nghiệp và tầm ảnh hưởng.
- Học sinh dựa vào các bảng số liệu, bản đồ, thông tin internet theo các link để tìm kiếm, ghi nhận thông tin theo yêu cầu: TÌM CÁC ĐẶC ĐIỂM KHÁI QUÁT CHUNG NGẮN GỌN VỀ VỊ TRÍ, TỰ NHIÊN, DÂN CƯ, XÃ HỘI; TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ, CÔNG NGHIỆP CỦA NƯỚC ĐỨC.
- Link tìm thông tin:
 - + <https://chlbduc.com/dia-ly/>
 - + <https://wtocenter.vn/file/17419/Germany%20Market%20Profile.pdf>
 - + <https://vneconomy.vn/nhung-nen-kinh-te-lon-nhat-the-gioi-nam-2022.htm>
 - + <https://tinyurl.com/yeyzm4k2>
 - + <https://tinyurl.com/3u5srvc>
- + Các TRẠM DỮ LIỆU SỐ: GV chuẩn bị tư liệu và thiết lập 4 trạm.
- Bản đồ phân bố các trung tâm và các ngành công nghiệp:



c) Sản phẩm

- Nội dung thông tin các nhóm đã tìm kiếm và chọn lọc viết báo cáo hoàn thiện.

d) Tổ chức thực hiện

- **Chuyên giao nhiệm vụ:** GV phổ biến các bước thực hiện nhiệm vụ cho học sinh trong hoạt động và thiết lập 3 TRẠM DỮ LIỆU SỐ (có thể ở 3 góc lớp hoặc 3 vị trí bất kỳ trong lớp học; mỗi nhóm sẽ có 1 hệ thống bảng, biểu số liệu cần thiết theo nội dung để làm dẫn chứng cho các bài báo cáo).

- Thực hiện nhiệm vụ:

+ Bước 1: Phân nhóm, mỗi nhóm 5 – 6 thành viên, có thể giữ nguyên thành viên của phần Khởi động.

+ Bước 2: Phân công nhiệm vụ làm việc nhóm: mỗi nhóm cần có 2 thành viên tìm kiếm thông tin từ internet; 2 học sinh tìm số liệu ở các TRẠM DỮ LIỆU SỐ; 1 hoặc 2 HS thực hiện tổng hợp báo cáo.

+ Bước 3: Các nhóm thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:

- Phác thảo nội dung báo cáo cần hoàn thiện cho cả nhóm.
- Tìm kiếm thông tin từ internet => mỗi nhóm có ít nhất 2 thiết bị có thể truy cập internet để tìm thông tin.

- Tìm kiếm số liệu minh họa phù hợp từ các trạm dữ liệu số: 2 học sinh được phân công trong nhóm sẽ đến các TRẠM DỮ LIỆU SỐ để tìm kiếm số liệu cần thiết làm dẫn chứng cho bài báo cáo của nhóm mình.
- **Báo cáo, thảo luận:** các nhóm hoàn thiện bài báo cáo chung theo yêu cầu.
- **Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp hoạt động, chuyển sang hoạt động báo cáo.

2.2. Hoạt động 2.2: Báo cáo về công nghiệp của CHLB Đức

a) Mục tiêu:

- Tổng hợp lại các công việc đã hoàn thiện ở hoạt động 2.1.
- Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, báo cáo, trình bày trước tập thể.

b) Nội dung:

- Báo cáo “**Sự phát triển công nghiệp của CHLB Đức**”.

c) Sản phẩm:

- Bài báo cáo của các nhóm HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** HS được gọi ngẫu nhiên lên trình bày báo cáo của nhóm, không ưu tiên xung phong (yêu cầu từ đầu tất cả học sinh đều phải làm việc và chủ động, tự tin khi thuyết trình, không ỉ lại vào 1 thành viên nào của nhóm).
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS các nhóm lên báo cáo khi được gọi tên.
- **Báo cáo, thảo luận:** Thời gian báo cáo tối đa cho mỗi nhóm là 3 phút. Các nhóm khác lắng nghe để tổng hợp phiếu điểm. (Có thể đại diện 1 □ 3 nhóm báo cáo, các nhóm còn lại chuyển bài vào nhóm lớp để các nhóm đọc và nhận xét, chấm điểm tùy theo quỹ thời gian).
- **Kết luận, nhận định:** Các nhóm nộp lại bài báo cáo, GV nhận xét phần làm việc của các nhóm, HS đánh giá điểm cho nhóm bạn => tổng kết điểm số.

3. Hoạt động 3: Luyện tập (5 phút)

a) Mục tiêu:

- Củng cố lại các kiến thức đã tìm hiểu trong tiết học.

b) Nội dung:

- Trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

Câu 1. Những nhận định nào sau đây là đúng về tình hình dân cư – xã hội của CHLB Đức?

1. Đức có cơ cấu dân số già.

2. Tuổi thọ trung bình cao hơn tuổi thọ TB của thế giới.
3. Tỷ lệ sinh còn cao.
4. Khuyến khích lập gia đình và sinh con.
5. Có tỷ lệ nữ nhiều hơn nam.
6. Rất chú trọng đầu tư cho giáo dục.

A. Tất cả đều đúng.

B. Các ý 1, 2, 3, 4, 6 đúng.

C. Các ý 1, 2, 4, 5, 6 đúng.

D. Các ý 1, 3, 5 sai.

Câu 2. Ý nào dưới đây không thể hiện được CHLB Đức là một trong những cường quốc kinh tế hàng đầu châu Âu và thế giới?

A. Đứng đầu châu Âu, thứ 3 thế giới về GDP.

B. Cường quốc thương mại thứ 2 trên thế giới.

C. Sau chiến tranh thế giới thứ II tốc độ tăng trưởng kinh tế vượt Hoa Kỳ và Anh.

D. Giá trị xuất khẩu đứng đầu thế giới, đứng đầu châu Âu.

Câu 3. Ngành công nghiệp nào của CHLB Đức có vị trí cao trên thế giới?

A. Chế tạo máy, điện tử.

B. Chế tạo máy, da giày.

C. Điện tử, thực phẩm.

D. Cơ khí, chế tạo máy.

Câu 4. Yếu tố tạo nên sức mạnh của nền công nghiệp Đức **không** phải vì

A. luôn đổi mới và áp dụng công nghệ hiện đại.

B. khả năng tìm tòi, sáng tạo của người lao động.

C. năng suất lao động và chất lượng sản phẩm cao.

D. nguồn nguyên liệu dồi dào, thị trường lớn.

Câu 5. Trung tâm công nghiệp nào sau đây không phải là của CHLB Đức?

A. Phrăng-phuốc.

B. Mui-nich.

C. Bec-lin.

D. Đa-lát.

Câu 6. Trong nhiều năm, ngành công nghiệp nào của CHLB Đức đứng hàng thứ 3 thế giới sau Hoa Kỳ và Nhật Bản?

A. Luyện kim đen.

B. Chế tạo máy bay.

C. Sản xuất ô tô.

D. Hóa chất.

Câu 7. Các trung tâm công nghiệp đóng tàu của CHLB Đức tập trung ở vùng nào của đất nước?

A. Phía Đông.

B. Phía Tây.

C. Phía Bắc.

D. Phía Nam.

Câu 8. CHLB Đức là quốc gia có diện tích rộng lớn nhất châu Âu.

A. Đúng.

B. Sai

Câu 9. Ngành công nghiệp của CHLB Đức đóng góp một tỉ lệ rất lớn vào ngành công nghiệp của EU, năm 2021, tỉ lệ đóng góp của công nghiệp Đức là:

A. 21,0%.

B. 26,9%.

C. 29,5%.

D. 28,6%.

Câu 10. Tỉ trọng của ngành công nghiệp trong cơ cấu GDP của Cộng hòa liên bang Đức từ năm 2000 đến năm 2020 thường chiếm khoảng

A. trên 15 %.

B. trên 20 %.

C. trên 25%.

D. trên 30%.

c) Sản phẩm:

- Câu trả lời của HS và thông tin phản hồi của GV.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu các câu hỏi trắc nghiệm hoặc tạo link trên QUIZZZ để tất cả học sinh cũng tham gia trả lời câu hỏi – kiểm tra kiến thức.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS trả lời các câu hỏi trong thời gian qui định.

- **Kết luận, nhận định:** GV ghi nhận điểm số, tổng kết hoạt động.

4. Hoạt động 4: Vận dụng (Chủ yếu hướng dẫn, giao về nhà thực hiện)

a) Mục tiêu:

- Hoàn thiện kỹ năng tổng hợp kiến thức.
- Kiểm tra mức độ ghi nhận kiến thức trong quá trình làm việc nhóm của HS.

b) Nội dung:

- Cá nhân học sinh về nhà viết lại bài báo cáo của riêng mình về **“Sự phát triển công nghiệp của CHLB Đức”** vào vở học.

c) Sản phẩm:

- Bài báo cáo của cá nhân học sinh về **“Sự phát triển công nghiệp của CHLB Đức”**.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV nêu yêu cầu cho HS thực hiện: Viết báo cáo cá nhân, không lấy lại nguyên vẹn bài báo cáo của nhóm đã thực hiện trên lớp.
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS viết báo cáo vào vở học ở nhà.
- **Báo cáo, thảo luận:** Thực hiện khi có yêu cầu.
- **Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp, dặn dò các nội dung cần chuẩn bị cho tiết học tiếp theo.

IV. PHỤ LỤC

1. Dữ liệu cung cấp ở các TRẠM DỮ LIỆU SỐ

TRẠM 1: DỮ LIỆU VỀ LÃNH THỔ - DÂN CƯ

1. Lãnh thổ:

- Diện tích: 357 nghìn km².
- Tiếp giáp: 9 quốc gia, biển Bắc và biển Ban-tích.
- Nằm trong vùng khí hậu ôn đới.
- Nghèo tài nguyên khoáng sản, đáng kể nhất có than nâu, than đá và muối mỏ.

Dân số Đức

83.768.810

16/07/2023

Thông tin nhanh

Dân số hiện tại của Đức là **83.768.810** người vào ngày 16/07/2023 theo số liệu mới nhất từ Liên Hợp Quốc.

Dân số Đức hiện chiếm **1,04%** dân số thế giới.

Đức đang đứng thứ **19** trên thế giới trong bảng xếp hạng dân số các nước và vùng lãnh thổ.

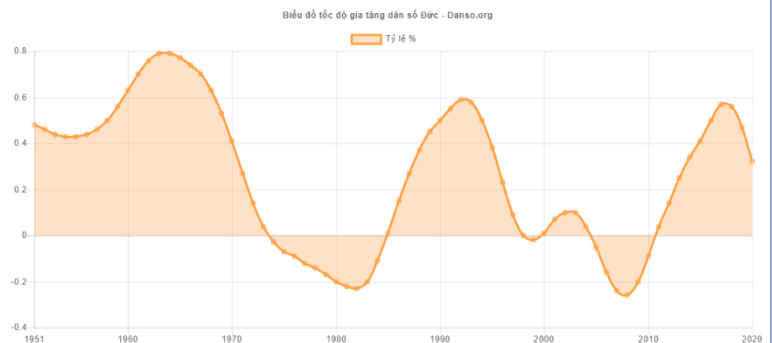
Mật độ dân số của Đức là **240** người/km²

Với tổng diện tích đất là **348.520** km².

77,69% dân số sống ở thành thị (65.166.307 người vào năm 2019).

Độ tuổi trung bình ở Đức là **46,0** tuổi.

Biểu đồ tốc độ gia tăng dân số Đức 1951 - 2020




Danh sách dân số các nước trên thế giới

Danh sách này được sắp xếp theo thứ tự dân số giảm dần. Trượt ngang để xem đầy đủ dữ liệu trên điện thoại.

#	Quốc gia (vùng lãnh thổ)	Dân số (2020)	Mật độ dân số (Người/Km ²)	Di cư	Tỷ lệ sinh	Tuổi trung bình	Dân thành thị (%)	% thế giới
1	Trung Quốc	1,439,323,776	153	-348,399	1.7	38	61%	18.47%
2	Ấn Độ	1,380,004,385	464	-532,687	2.2	28	35%	17.70%
3	Mỹ	331,002,651	36	954,806	1.8	38	83%	4.25%
4	Indonesia	273,523,615	151	-98,955	2.3	30	56%	3.51%
5	Pakistan	220,892,340	287	-233,379	3.6	23	35%	2.83%
6	Brazil	212,559,417	25	21,200	1.7	33	88%	2.73%
7	Nigeria	206,139,589	226	-60,000	5.4	18	52%	2.64%
8	Bangladesh	164,689,383	1,265	-369,501	2.1	28	39%	2.11%
9	Nga	145,934,462	9	182,456	1.8	40	74%	1.87%
10	Mexico	128,932,753	66	-60,000	2.1	29	84%	1.65%
11	Nhật Bản	126,476,461	347	71,560	1.4	48	92%	1.62%
12	Ethiopia	114,963,588	115	30,000	4.3	19	21%	1.47%
13	Philippines	109,581,078	368	-67,152	2.6	26	47%	1.41%
14	Ai Cập	102,334,404	103	-38,033	3.3	25	43%	1.31%
15	Việt Nam	97,338,579	314	-80,000	2.1	32	38%	1.25%
16	CHDC Congo	89,561,403	40	23,861	6.0	17	46%	1.15%
17	Thổ Nhĩ Kỳ	84,339,067	110	283,922	2.1	32	76%	1.08%
18	Iran	83,992,949	52	-55,000	2.2	32	76%	1.08%
19	Đức	83,783,942	240	543,822	1.6	46	76%	1.07%
20	Thái Lan	69,799,978	137	19,444	1.5	40	51%	0.90%

Danh sách diện tích các nước trên thế giới

STT	Quốc gia	Tổng diện tích	Đất liền	Biển
1	Nga	17.098.246	16.377.742	720.500
2	Canada	9.984.670	9.093.507	891.163
3	Trung Quốc	9.596.961	9.326.410	270.550
4	Hoa Kỳ	9.525.067	9.147.643	377.424
5	Brazil	8.515.767	8.460.415	55.352
6	Úc	7.692.024	7.633.565	58.459
7	Ấn Độ	3.287.263	2.864.021	302.393
8	Argentina	2.780.400	2.736.690	43.710
9	Kazakhstan	2.724.900	2.699.700	25.200

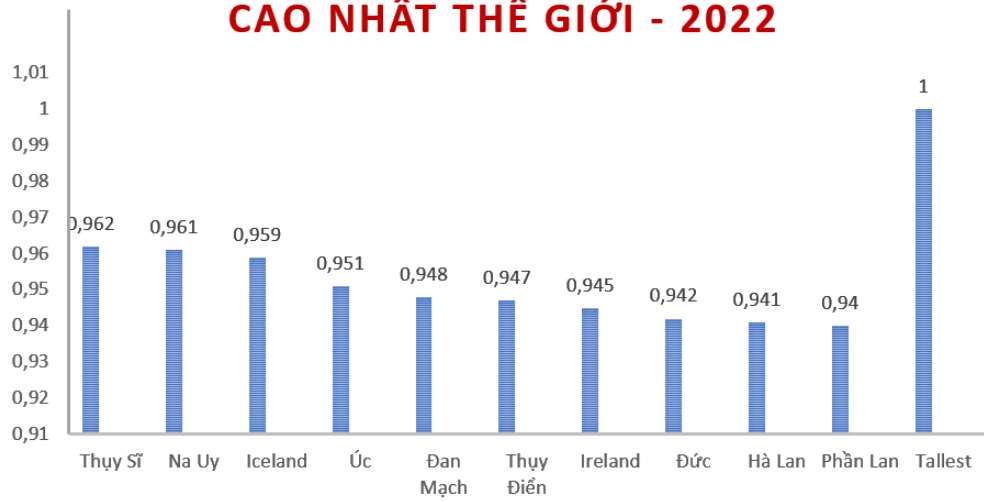
STT	Quốc gia và Vùng lãnh thổ	Diện tích (Km ²)
1	 Pháp	643.801
2	 Ukraine	603.500
3	 Tây Ban Nha	505.992
4	 Thụy Điển	449.694
5	 Đức	357.114
6	 Phần Lan	338.149
7	 Na Uy	323.802
8	 Ba Lan	312.685
9	 Ý	301.336
10	 Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland	242.900

DIỆN TÍCH CHLB ĐỨC SO VỚI CÁC NƯỚC CHÂU ÂU

2. Dân cư

- Là nước đông dân với 83,8 triệu người – 2022.
- Có mức sống cao, cơ cấu dân số già với tỉ suất sinh thấp nhất châu Âu, dân số hiện nay đang có xu hướng giảm, trung bình giảm 300 người/ngày (do tỉ lệ gia tăng tự nhiên thấp và tỉ lệ di cư ngày càng tăng) => khuyến khích lập gia đình và sinh con.
- Rất chú trọng đầu tư cho giáo dục.

TOP 10 QUỐC GIA CÓ CHỈ SỐ HDI CAO NHẤT THẾ GIỚI - 2022



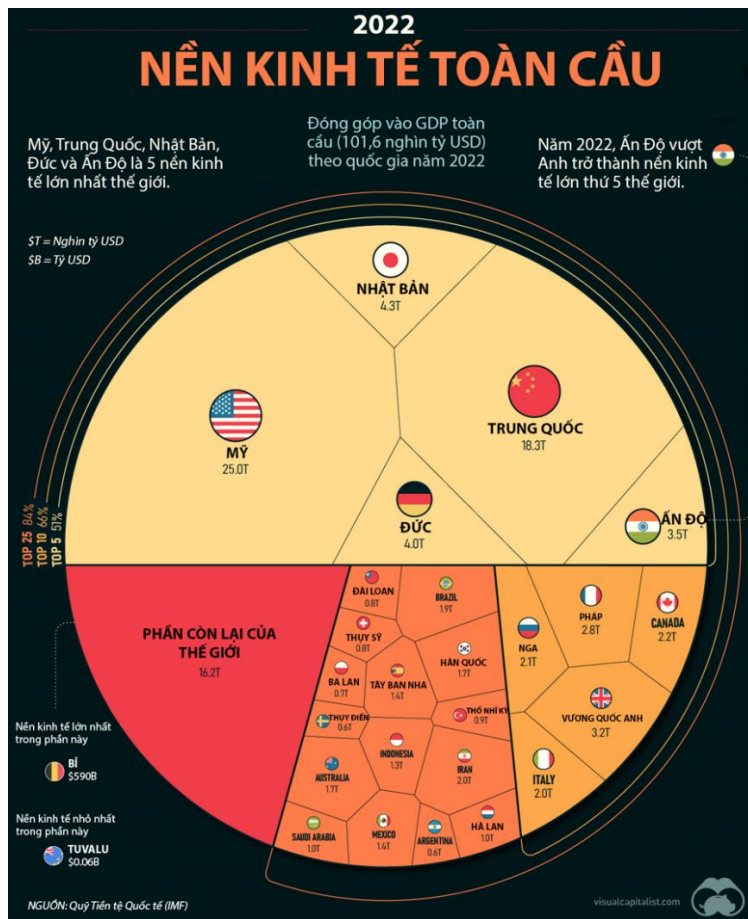
TRẠM 2: DỮ LIỆU KHÁI QUÁT CHUNG VỀ NỀN KINH TẾ

1. Khái quát chung:

- Từ khi thống nhất đến nay, Đức luôn duy trì vị thế là một Đại cường quốc và có nền kinh tế lớn thứ tư thế giới theo GDP danh nghĩa, lớn thứ 5 toàn cầu theo sức mua tương đương. Đức dẫn đầu thế giới trong các lĩnh vực công nghiệp nặng và công nghệ cao, là nước xuất khẩu và nhập khẩu đều ở vị trí lớn thứ 3 thế giới (2020).
- Đức là một quốc gia phát triển, là một thành viên sáng lập của Liên minh châu Âu vào năm 1993, là bộ phận của khu vực Schengen và trở thành đồng sáng lập của khu vực đồng Euro vào năm 1999.
- Đức là một thành viên của Liên Hợp Quốc, NATO, G8, G7, G20, Câu lạc bộ Paris, và OECD.

- GDP/người năm 2021: 50.802 USD/người

2. Vị trí kinh tế so với các cường quốc trên thế giới:



GDP CỦA CÁC CƯỜNG QUỐC KINH TẾ THẾ GIỚI (Đơn vị: triệu USD)

Nước	2010		2021	
	Trị giá GDP	Xếp hạng	Trị giá GDP	Xếp hạng
Toàn thế giới	58.892.848	-	96.513.077	-
Hoa Kỳ	14.119.000	1	22.996.100	1
Trung Quốc	4.985.461	3	17.734.063	2
Nhật Bản	5.068.996	2	4.937.422	3
CHLB Đức	3.330.032	4	4.223.116	4
Ấn Độ	1.377.265	10	3.173.398	5

TRỊ GIÁ XUẤT – NHẬP KHẨU CỦA CÁC CƯỜNG QUỐC THƯƠNG MẠI TG (Đơn vị: tỉ USD) (Nguồn: <https://solieukinhhte.com>)

Quốc gia	Giá trị nhập khẩu	Xếp hạng	Quốc gia	Giá trị xuất khẩu	Xếp hạng
Hoa Kỳ	3.401,36	1	Hoa Kỳ	2.539,65	2
Trung Quốc (không bao gồm Ma Cao và Hồng Kông)	3.091,26	2	Trung Quốc (không bao gồm Ma Cao và Hồng Kông)	3.553,51	1
Đức	1.776,91	3	Đức	2.003,47	3
Nhật	1.007,10	4	Nhật	923,235	4
Anh	943,02	5	Anh	898,988	5
Pháp	928,51	6	Pháp	885,115	6
Ấn Độ	758,87	7	Hà Lan	840,46	7
Hà Lan	736,54	8	Hàn Quốc	761,244	8
Bỉ	509,81	9	Hồng Kông	751,363	9
Canada	609,19	10	Singapo	733,773	10

TRẠM 3: CÁC DỮ LIỆU SỐ VỀ NỀN CÔNG NGHIỆP CỦA CHLB ĐỨC

- Tình hình sản xuất công nghiệp của CHLB Đức giai đoạn 2000 – 2020

Năm	2000	2005	2010	2015	2020
GDP (triệu USD)	1948,7	2841,7	3406,0	3358,0	3845,9
Giá trị sản xuất công nghiệp (triệu USD)	539,8	750,2	912,8	910,2	1023,0
Tỉ trọng công nghiệp trong GDP (%)	27,7	26,4	26,8	27,1	26,6
Tỉ lệ đóng góp trong công nghiệp EU (%)	29,2	26	27,3	29,5	28,5

- Trị giá và tỉ lệ trị giá xuất khẩu của một số sản phẩm công nghiệp CHLB Đức so với EU năm 2020

Sản phẩm	Xe có động cơ	Máy móc, thiết bị	Máy tính, linh kiện điện tử	Dược phẩm	Hóa chất
Trị giá xuất khẩu (triệu Ơ-rô)	108336	97003	52739	50085	46363
Tỉ lệ trong tổng trị giá xuất khẩu sản phẩm của EU (%)	52,5	38,7	32,6	23,3	27,4

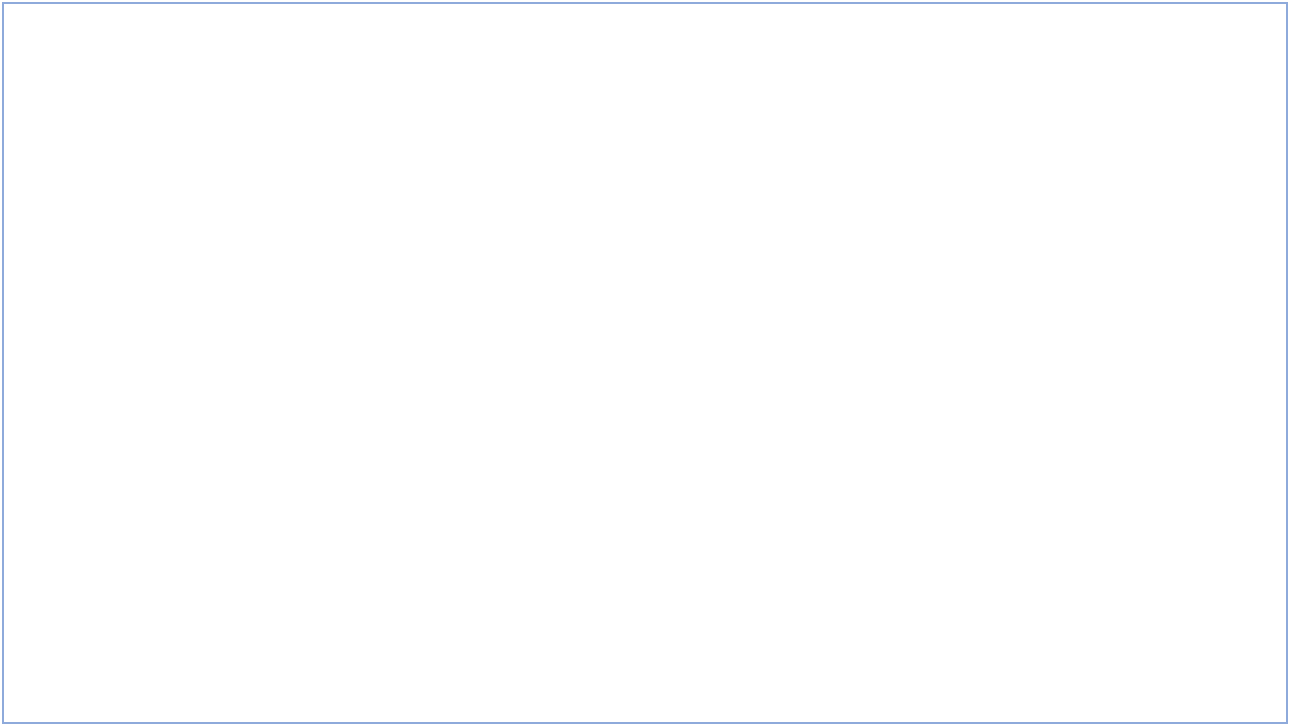
- Một số thông tin về ngành công nghiệp:

Công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 30% GDP và sử dụng khoảng 24% lực lượng lao động của Cộng hoà Liên bang Đức.

Cộng hoà Liên bang Đức nổi bật về công nghiệp cơ khí chế tạo (sản xuất ô tô, máy móc,...), điện tử – tin học và hoá chất.

– Công nghiệp cơ khí chế tạo là động lực tăng trưởng quan trọng nhất của ngành công nghiệp Cộng hoà Liên bang Đức. Năm 2021, giá trị sản xuất của ngành này là 260 tỉ Ơ-rô, đóng góp đáng kể vào GDP đất nước. Trong đó, 81% máy móc được xuất khẩu.

– Công nghiệp điện tử – tin học có vai trò quan trọng trong nền kinh tế 4.0, thúc đẩy nghiên cứu và phát triển, đóng góp khoảng 3% GDP và khoảng 10% tổng trị giá xuất khẩu của Cộng hoà Liên bang Đức.



NHỮNG SẢN PHẨM NỔI TIẾNG CỦA ĐỨC

Từ xưa đến nay, Đức luôn được biết đến là một quốc gia có nền tảng khoa học kỹ thuật tiên tiến và vững chắc nhất trên thế giới. Rất nhiều sản phẩm thuộc nhiều lĩnh vực có nguồn gốc từ Đức được đánh giá là sản phẩm có chất lượng số 1 thế giới trong thời gian dài.

Vào năm 2017, theo kết quả khảo sát thị trường của hãng Statista (Đức) thực hiện khảo sát trên hơn 43.000 người tiêu dùng tại 52 quốc gia để tìm ra sản phẩm nước nào được tin tưởng nhất thế giới? Và kết quả được ghi nhận, Đức là quốc gia đứng đầu danh sách khi được 13 quốc gia lựa chọn là đáng tin cậy nhất với nhiều sản phẩm dẫn đầu thế giới như hầm rượu vang hơn 400 tuổi, chiếc lốp xe Horse có tuổi đời gần 150 năm, hàng thời trang thể thao Adidas với tuổi đời gần 100 năm,...

Người Đức luôn trân trọng những lợi ích lâu dài của đất nước cũng như thương hiệu của mình. Cụm từ Made in Germany in trên mỗi sản phẩm cũng là một biểu tượng mạnh cho uy tín và chất lượng trên toàn thế giới.

Dưới đây sẽ là một vài sản phẩm nổi tiếng của Đức được công nhận trên toàn thế giới:

1. Hàng gia dụng Đức

Là một trong những lĩnh vực thế mạnh, hàng gia dụng Đức được toàn thế giới biết đến với chất lượng sản phẩm tốt, bền bỉ cùng tuổi thọ dài lên đến hàng trăm năm. Một số mặt hàng gia dụng của Đức nổi bật như:

1.1. Dụng cụ nhà bếp của Đức

Đức là một trong những đất nước sở hữu nhiều thương hiệu dụng cụ nhà bếp uy tín nhất hiện nay. Những dụng cụ nhà bếp với tuổi đời lên đến hàng trăm năm là một sự khẳng định về chất lượng sản phẩm cũng như đạo đức của người Đức.

Một số thương hiệu đồ gia dụng nổi tiếng của Đức như: Fissler, Zwilling, ELO Multilayer,... Được thiết kế theo tiêu chuẩn Châu Âu, các sản phẩm đồ gia dụng của những thương hiệu này luôn có kiểu dáng đơn giản, sang trọng, phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng hiện đại

Bên cạnh các thiết bị nhà bếp, bếp từ thì Đức cũng nổi tiếng với nhiều sản phẩm đồ gia dụng có chất lượng tốt như tủ lạnh, máy hút mùi, bình nước nóng, các thiết bị điện tử như TV, Loa Đức với các thương hiệu như Bosch,...

2. Hàng tiêu dùng Đức

Thật là một thiếu sót lớn nếu bỏ qua các mặt hàng tiêu dùng của Đức. Bia và rượu vang Đức là một trong những thức uống ngon và chất lượng nhất được cả thế giới công



Các thương hiệu liên quan đến thiết bị nhà bếp đình đám của CHLB Đức

nhận. Trong đó, bia Đức là một thương hiệu lớn với quy mô toàn cầu còn rượu vang Đức lại nổi tiếng với những dòng rượu xa xỉ có tuổi đời lên đến vài trăm năm.

Hằng năm, các lễ hội bia ngon được tổ chức tại Đức như một nét đẹp về văn hóa quốc gia.

3. Mỹ phẩm Đức - Mỹ phẩm cao cấp nhất thế giới

Đức - đất nước sở hữu những dòng mỹ phẩm cao cấp nhất thế giới. Người Đức thường hướng đến sự sang trọng, tinh tế vì thế họ rất quan tâm đến việc làm đẹp bản thân, đây cũng là lý do các thương hiệu mỹ phẩm Made in Germany ra đời với mong muốn mang đến những sản phẩm "chuẩn Đức" đến tay người tiêu dùng.

3.1. Nước hoa Đức

Đi đầu trong lĩnh vực mỹ phẩm của Đức là nước hoa. Nước hoa của Đức thường được sản xuất riêng cho nam và nữ với nhiều mùi hương khác nhau mang đến cho người dùng một cơ thể với mùi hương hấp dẫn, ấn tượng.

Một số thương hiệu nước hoa Đức lớn như: Hugo Boss, Escada, Bogner, Jin Sander.

3.2. Son của Đức

Một trong những đặc điểm của son Đức là thành phần không chứa các hóa chất gây hại mà vẫn mang lại cho đôi môi màu sắc tự nhiên với bảng màu son đa dạng.

Các thương hiệu son nổi tiếng: Artdeco, Sans Soucis, L'Oreal,...

3.3. Các thương hiệu mỹ phẩm Đức

Bên cạnh các sản phẩm như nước hoa, son môi, Đức cũng sở hữu nhiều thương hiệu mỹ phẩm dưỡng da nổi bật khác như:

- **Weleda:** Là thương hiệu mỹ phẩm hợp tác giữa Thụy Sĩ và Đức, các sản phẩm của Weleda có nguồn gốc tự nhiên và không được thử nghiệm trên động vật. Mỹ phẩm của Weleda chủ yếu là đồ dùng nhà tắm, đồ dưỡng da và dưỡng tóc.
- **Dr.Hauschka:** Nếu bạn đã biết đến các thương hiệu mỹ phẩm đình đám Clinique hay Estee Lauder thì Dr.Hauschka chính là phiên bản thiên nhiên của các thương hiệu trên, Dr.Hauschka cũng là thương hiệu được nhiều diễn viên và người nổi tiếng ưa thích. Hầu hết các sản phẩm của Dr.Hauschka là mỹ phẩm dưỡng da và các sản phẩm sữa tắm cao cấp.
- **Lavera:** Lại là một thương hiệu mỹ phẩm có nguồn gốc thiên nhiên nhưng Lavera có giá thành thấp hơn so với Weleda, thích hợp với các khách hàng bình dân. Lavera có đầy đủ các sản phẩm dưỡng da, dưỡng thể và các sản phẩm nhà tắm.

4. Xe Đức

Thật là một thiếu sót lớn nếu bỏ qua các dòng xe khi Đức sở hữu đến 5 hãng xe sang nổi tiếng được nhiều người biết đến:

- **Mercedes-Benz:** Là thương hiệu xe nổi tiếng nhất tại Đức, Mercedes-Benz đứng đầu thế giới về tổng doanh số bán xe với khoảng 2,3 triệu chiếc trong năm 2017
- **Audi:** Là một công ty con của tập đoàn ô tô lớn nhất thế giới Volkswagen AG, Audi nổi tiếng với những dòng xe cao cấp với các thiết kế đẹp, tinh tế.



- Volkswagen: Là tập đoàn ô tô lớn nhất thế giới với tuổi đời lâu năm với nhiều thương hiệu lớn trực thuộc như Audi, Bentley, Skoda, Lamborghini, Bugatti, SEAT, Porsche và Volkswagen.
- BMW: Là công ty sản xuất xe hơi và xe máy quan trọng của Đức. Tuy vẫn xếp sau Mercedes-Benz nhưng BMW cũng là một thương hiệu ô tô lớn luôn cạnh tranh gắt gao với người đồng hương.
- Porsche: là một người anh em của Volkswagen và Audi nhưng Porsche lại tập trung nhiều vào những chiếc xe thể thao trẻ trung, năng động.

5. Thời trang Đức

Không chỉ nổi tiếng về sản xuất xe hơi, đồ gia dụng hay tiêu dùng, Đức còn sở hữu nhiều thương hiệu thời trang hàng đầu thế giới như Adidas, Puma,... Đặc điểm của thời trang Đức là phong cách tối giản và thực dụng.

Các thương hiệu thời trang Đức cũng khá đa dạng từ các hãng kính mắt của Đức đến giày, đồng hồ, quần áo,...

Trong đó có một số các sản phẩm nổi tiếng như:

- Kính mắt Đức - Hugo Boss: Hugo Boss là thương hiệu kinh doanh thời trang nổi tiếng thế giới thuộc tập đoàn Safilo, được thành lập tại Đức năm 1924 bởi Hugo Boss
- Giày Đức: Đức uy tín về việc tạo ra những đôi giày cực kỳ thoải mái với chất lượng cao. Một số thương hiệu nổi tiếng như: Adidas, Melvin & Hamilton, Beastin, Rovers, Zeha,...
- Đồng hồ Đức: Đồng hồ Đức luôn đứng đầu thế giới về chất lượng và độ bền với nhiều thương hiệu lâu đời nổi tiếng như: A.LANGE & SÖHNE, ARCHIMEDE WATCHES, CHRONOSWISS,...



6. Những dòng sản phẩm cho mẹ và bé

Không phải ngẫu nhiên mà các sản phẩm mẹ và bé của Đức ở thị trường quốc tế nói chung và Việt Nam nói riêng gần như không có đối thủ cạnh tranh. Để được phép kinh doanh và bán ở thị trường Đức, các sản phẩm phải đáp ứng được mọi tiêu chuẩn khắt khe của Đức như: Không có hương nhân tạo, phẩm màu, chất bảo quản.

- Một số sản phẩm cho mẹ và bé tốt như: Tinh dầu tràm, kem dưỡng da trẻ em, sữa tắm gội,...
- Các thương hiệu sản phẩm mẹ bé tốt: Aptamil, Hipp,...



2. Phiếu đánh giá báo cáo

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Nhóm được đánh giá:..... Số lượng thành viên:
 Thang điểm: 10 = xuất sắc; 9 = tốt; 8 = khá; 7 = TB; 6 = yếu; 5 = kém
 (khoanh điểm cho từng mục)

Tiêu chí	Yêu cầu		Điểm					
			5	6	7	8	9	10
Nội dung bài báo cáo	1	Nội dung chính rõ ràng, khoa học.	5	6	7	8	9	10
	2	Các nội dung trình bày theo trình tự yêu cầu đưa ra	5	6	7	8	9	10
	3	Sử dụng các dẫn chứng phù hợp	5	6	7	8	9	10
	4	Bài báo cáo có cấu trúc logic.	5	6	7	8	9	10
Báo cáo viên	5	Giọng nói rõ ràng, dễ nghe	5	6	7	8	9	10
	6	Tốc độ trình bày vừa phải, hợp lí	5	6	7	8	9	10
	7	Ngôn ngữ diễn đạt dễ hiểu	5	6	7	8	9	10
	8	Thể hiện được cảm hứng, sự tự tin, nhiệt tình khi trình bày.	5	6	7	8	9	10
	9	Có giao tiếp bằng mắt với người tham dự	5	6	7	8	9	10
Tổ chức, tương tác nhóm khi viết báo cáo	10	Có sự phân công hợp lí	5	6	7	8	9	10
	11	Làm việc nghiêm túc, không gây ồn ào, náo loạn.	5	6	7	8	9	10
	12	Trả lời các câu hỏi thêm từ các nhóm khác và GV	5	6	7	8	9	10
Tổng điểm								
Điểm TB								

BÀI 11. KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

Tiết 22, 23: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực:

- Năng lực địa lí:

+ Năng lực nhận thức khoa học địa lí:

- Xác định được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của khu vực Đông Nam Á.

- So sánh đặc điểm tự nhiên giữa Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á biển đảo.

- Phân tích được những thuận lợi và khó khăn của tự nhiên đối với phát triển kinh tế.

- Phân tích đặc điểm dân cư, văn hóa của các nước trong khu vực và ảnh hưởng của dân cư tới kinh tế.

+ Năng lực tìm hiểu địa lí:

- Sử dụng bản đồ để nhận biết và trình bày được vị trí của các nước thành viên, đặc điểm chung về địa hình, khoáng sản của khu vực.

- Đọc và phân tích được bảng số liệu thống kê, đưa ra các nhận định về xu hướng phát triển dân số của khu vực Đông Nam Á.

+ Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí: Vận dụng để giải thích các hiện tượng tự nhiên, kinh tế – xã hội khu vực và Việt Nam

- Năng lực chung:

+ Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện công nghệ thông tin phục vụ bài học, phân tích xử lí tình huống.

2. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học, nghiên cứu bản đồ, lược đồ, tranh ảnh

- Trách nhiệm: hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập luyện tập, vận dụng.

- Yêu nước: Hiểu thêm, yêu thêm thiên nhiên, xã hội Việt Nam

- Nhân ái: Có ý thức học hỏi các nền văn hóa khác, tôn trọng sự khác biệt về văn hóa giữa các quốc gia

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Bản đồ các nước Đông Nam Á, bản đồ tự nhiên Đông Nam Á, bản đồ phân bố dân cư Đông Nam Á

- Các phiếu học tập.

- Hình ảnh, video liên quan đến Đông Nam Á

- Máy chiếu/ tivi, trò chơi ô chữ

2. Học sinh

- Giấy note làm bài tập trên lớp.

- Điện thoại thông minh.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động - 5 phút

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, kích thích trí tò mò của HS đồng thời kết nối các kiến thức đã biết của học sinh với kiến thức mới trong bài học.

- Kết hợp rèn kỹ năng điều khiển, sử dụng máy tính.

b. Nội dung: HS tham gia trò chơi “Ghép nối thông tin”

c. Sản phẩm: Câu trả lời của các cặp trên màn hình máy tính

d. Tổ chức thực hiện

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

+ **Nhiệm vụ:** GV chiếu bản đồ châu Đông Nam Á và hình ảnh lá cờ của 11 quốc gia (có đánh số thứ tự từ 1-11) + phát tờ bản đồ câm (như hình dưới) tới các cặp đôi, yêu cầu học sinh làm việc theo cặp (cho phép sử dụng điện thoại thông minh). Các cặp thảo luận, điền thông tin vào tờ bản đồ được phát (điền tên quốc gia vào ô cạnh lá cờ, điền số vào vị trí của từng quốc gia tương ứng với lá cờ trên bản đồ câm) và thực hiện 2 nhiệm vụ sau:

- Nv1: Đại diện của cặp nhanh nhất di chuyển lên bàn máy tính điền tên của từng quốc gia vào ô bên cạnh lá cờ
- Nv2: Đại diện của cặp nhanh tiếp theo di chuyển lên bàn máy tính kéo cờ của từng quốc gia thả vào vị trí tương ứng trên bản đồ câm

Yêu cầu: 1. Điền tên quốc gia tương ứng vào cạnh lá cờ 1

2. Di chuyển cờ của mỗi quốc gia vào đúng vị trí trên bản đồ

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- ✧ Các cặp thực hiện trong vòng 3 phút, ghi kết quả vào 1 tờ bản đồ câm được phát.
- ✧ Đại diện cặp nhanh nhất lên điền tên quốc gia vào 11 ô bên cạnh lá cờ
- ✧ Sau khi Gv chốt kiến thức của cặp đầu tiên, đại diện cặp nhanh thứ 2 lên kéo lá cờ của từng quốc gia thả vào vị trí tương ứng trên bản đồ.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Các cặp theo dõi quá trình và kết quả của mỗi cặp trên màn hình máy tính, và cho ý kiến điều chỉnh nếu có sai sót.



-Bước 4: Kết luận

GV tổng kết:

- ✓ Sự linh hoạt trong tìm kiếm thông tin của mỗi cặp đôi
- ✓ Tác phong trong quá trình di chuyển để được quyền điền thông tin
- ✓ Kỹ năng, sự thành thạo trong sử dụng máy tính

GV dẫn dắt vào bài

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Tìm hiểu phạm vi lãnh thổ và vị trí địa lí (7 phút)

a. Mục tiêu:

- Xác định được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của Đông Nam Á
- Phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với phát triển kinh tế - xã hội.
- Rèn kỹ năng và tư duy không gian bản đồ, rèn thao tác văn bản trên máy tính cho học sinh.

b. Nội dung: HS hoàn thành phiếu học tập

c. Sản phẩm: Phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện

-Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV duy trì cặp đôi đầu giờ và phiếu học tập đầu giờ để thực hiện các nhiệm vụ học tập sau:

- *Điền tiếp các thông tin mục 12, 13, 14 vào phiếu học tập cũ.*
- *Nêu ý nghĩa của vị trí địa lí và lãnh thổ đối với phát triển KT-XH của khu vực ở mặt sau của phiếu học tập:*

Vị trí địa lí	Phân tích ý nghĩa
Tiếp giáp với biển và đại dương	
Tiếp giáp với các nước lớn	
Tiếp giáp với các nền văn minh	

- **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS tiến hành điền thông tin còn lại vào phiếu học tập đầu giờ, GV quan sát và hướng dẫn HS trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** GV gọi đại diện HS lên điền thông tin vào bản đồ trên màn hình và trả lời. các HS khác nhận xét bổ sung.

- **Bước 4. Kết luận :** GV nhận xét và chuẩn hóa nội dung học tập.

GV tổng kết:

- ✓ Sự linh hoạt trong tìm kiếm thông tin của mỗi cặp đôi
- ✓ Tác phong trong quá trình di chuyển để được quyền điền thông tin
- ✓ Kỹ năng, sự thành thạo trong sử dụng máy tính
- ✓ GV chiếu bản đồ hành chính Châu Á và chốt lại các thông tin về vị trí, tọa độ, ý nghĩa



Vị trí địa lí	Yêu cầu Phát hiện	Phân tích ý nghĩa
Tiếp giáp với biển và đại dương nào?	Nằm giữa châu Á và châu Đại dương, tiếp giáp với Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương	Thuận lợi cho việc giao lưu quốc tế
Tiếp giáp với các nước lớn nào?	Tiếp giáp với 3 nước(Ấn Độ, Trung Quốc, Bănglăđét),	Vị trí tạo sức hấp dẫn cho các cường quốc cạnh tranh ảnh hưởng
Tiếp giáp với các nền văn minh nào?	Vị trí nằm giữa các nền văn minh lớn(Trung Quốc và Ấn Độ)	Thuận lợi để các đạo giáo phát triển...ảnh hưởng rất lớn tới đời sống xã hội, phát triển kinh tế của khu vực

- Nằm ở phía Đông Nam của lục địa Á- Âu, gồm 2 bộ phận: Đông Nam Á lục địa và Đông Á biển đảo.
 - Diện tích khoảng 4,5 triệu km².
 - Tiếp giáp với 3 nước(Ấn Độ, Trung Quốc, Bănglăđét), 2 đại dương (Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương).
- => Ý nghĩa:
- + nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa lớn
 - + thuận lợi: nằm trên tuyến đường biển quốc tế quan trọng nối Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương qua eo Ma- lăc- ca, nằm trong vùng kinh tế năng động.
 - + khó khăn: là khu vực có nhiều thiên tai, dễ xảy ra các tranh chấp về lãnh thổ, cạnh tranh về kinh tế.

Hoạt động 2: Tìm hiểu điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên (15 phút)

a. Mục tiêu:

- Xác định được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của Đông Nam Á
- Phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với phát triển kinh tế - xã hội.
- Rèn kĩ năng và tư duy không gian bản đồ, rèn thao tác văn bản trên máy tính cho học sinh.
- Rèn kĩ năng đọc và thu tóm kiến thức, kĩ năng chất lọc thông tin.
- Rèn kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng thuyết trình và phản biện thông tin

b. Nội dung:

- HS hoàn thành phiếu học tập
- HS thảo luận nhóm hoàn thành sản phẩm khăn trải bàn

c. Sản phẩm: Phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện

***Nhiệm vụ 1(7 phút)**

-Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV duy trì cặp đôi đầu giờ tìm hiểu nội dung sách giáo khoa và hoàn thành nội dung phiếu học tập (sơ đồ kiến thức):

➤ *Điền thông tin vào phần trống của sơ đồ*

1. Địa hình và đất	a. ĐNÁ lục địa: Códạng địa hình chính:	+ KV đồi núi: Hướng núi chính:..... loại đất chủ yếu:.....
	b. ĐNÁ biển đảo: Códạng địa hình chính, chủ yếu là	+ KV đồng bằng: Loại đồng bằng chiếm diện tích chủ yếu:..... Đồng bằng mở rộng về phía:..... Loại đất chủ yếu ở đồng bằng:.....
2. Khí hậu	- Chủ yếu là đới khí hậu:..... và	+ KV núi: chủ yếu là núi
	- Đặc điểm về nhiệt độ:	+ KV đồng bằng: Chiếm diện tích
3. sông, hồ	- Đặc điểm về lượng mưa và độ ẩm: lượng mưa; độ ẩm	Phân bố
	- Đặc điểm về sự phân hoá khí hậu:	1 số đồng bằng lớn trên các đảo:
4. Sinh vật	- Sông ở ĐNÁ lục địa có đặc điểm	+ ĐNÁ lục địa chủ yếu là khí hậu:
	- Sông ở ĐNÁ hải đảo có đặc điểm:	+ ĐNÁ hải đảo chủ yếu là khí hậu:
5. Khoáng sản	- Một số hồ lớn ở ĐNÁ:	+ Ở khu vực núi cao khí hậu có đặc điểm:
	- Mức độ đa dạng sinh học:	+ Mức độ phân bố:.....
6. Biển	- Diện tích rừng:	+ Chế độ nước:
	- Các hệ sinh thái rừng chủ yếu	
	- Các loại gỗ quý trong rừng:	
	- Đặc điểm khoáng sản của ĐNÁ:.....	
	- Nguyên nhân:.....	
	- Diện tích, phạm vi biển:.....	
	- Những lợi thế của biển mang lại :.....	

- **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS tiến hành đọc, nghiên cứu nội dung sách giáo khoa, thảo luận cùng bạn để chọn được thông tin phù hợp nhất điền vào phiếu.

- **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** GV gọi đại diện 6 HS của 6 cặp bắt kì chiếu sản phẩm lên màn hình máy tính. Các cặp còn lại đọc thông tin trên bảng của 6 cặp và nhận xét, góp ý.

- **Bước 4. Kết luận :** GV nhận xét và chuẩn hóa nội dung học tập.

GV tổng kết:

- ✓ Sự linh hoạt trong tìm kiếm thông tin của mỗi cặp đôi
- ✓ Khả năng thu tóm kiến thức và kĩ năng chất lọc thông tin của từng cặp đôi
- ✓ GV chốt kiến thức

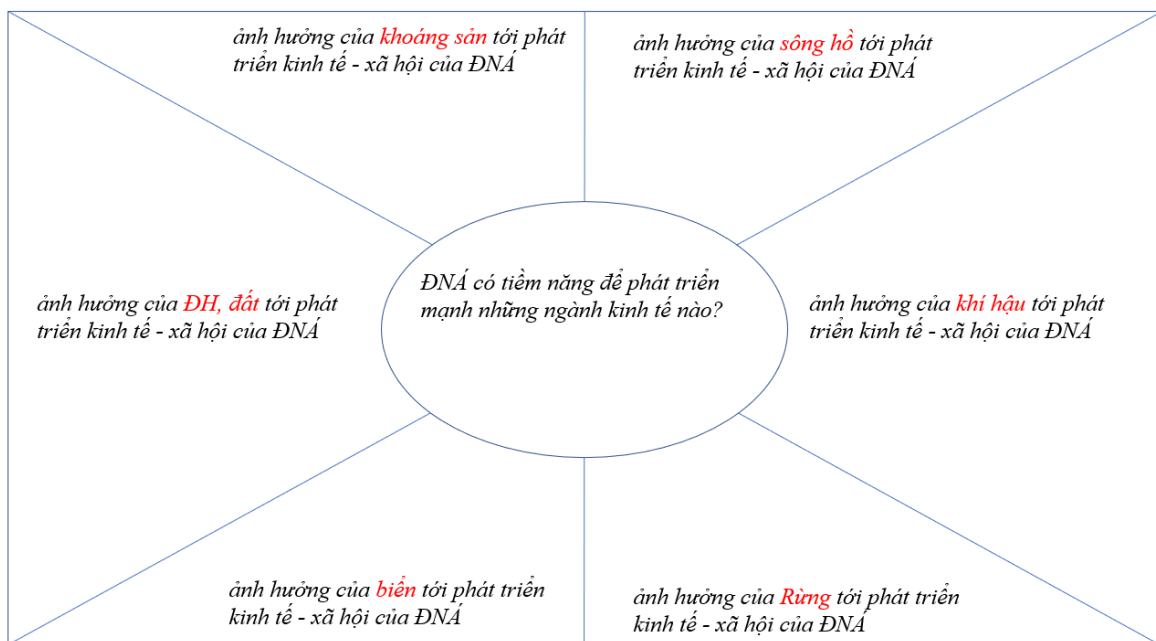
***Nhiệm vụ 2 (8 phút)**

-**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

+ GV chia lớp thành 4 nhóm (tối thiểu mỗi nhóm có 6 thành viên, đảm bảo mỗi nội dung trong phiếu đều có ít nhất 1 hs tìm hiểu), yêu cầu các nhóm phân công nhóm trưởng, thư kí. Nhóm trưởng nhận nhiệm vụ, chuyển giao nhiệm vụ tới các thành viên, thư kí tiếp thu ý kiến, tổng hợp và hoàn thành phiếu.

+ 4 nhóm cùng thảo luận:

- Phân tích ảnh hưởng của 6 yếu tố tự nhiên tới phát triển kinh tế - xã hội của ĐNÁ
- Đánh giá chung: các điều kiện tự nhiên trên giúp ĐNÁ phát triển những ngành kinh tế nào?



- **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**

+ HS nhận nhiệm vụ từ nhóm trưởng, tiến hành đọc, nghiên cứu nội dung sách giáo khoa và phân kiến thức đã hoàn thành ở sơ đồ kiến thức, thảo luận cùng bạn để chọn được thông tin phù hợp nhất điền vào phiếu.

+ GV quan sát, hỗ trợ nhóm chưa xác định được nhiệm vụ, chỉ dẫn cách thu thập thông tin ..vv..

- Bước 3. Báo cáo, thảo luận:

+ GV gọi đại diện 1 nhóm lên báo cáo sản phẩm, các nhóm còn lại theo dõi, bổ sung hoặc phản biện (nếu có khúc mắc)

+ GV cho đảo chéo sản phẩm của 4 nhóm, sau đó chiếu sản phẩm cuối cùng lên và chốt kiến thức, các nhóm theo dõi phần giảng, chốt của gv để điều chỉnh và chấm bài của nhóm bạn.

- Bước 4. Kết luận : GV nhận xét và chuẩn hóa nội dung học tập.

GV tổng kết:

- ✓ Sự tương tác, hỗ trợ nhau giữa các thành viên/ nhóm
- ✓ Khả năng thu tóm kiến thức và kỹ năng chất lọc thông tin của các thư kí, khả năng điều khiển nhóm của nhóm trưởng, kỹ năng thuyết trình và phản biện của các nhóm
- ✓ GV rút ra một số thiếu sót trong quá trình hoạt động nhóm, đưa ra giải pháp điều chỉnh để các lần sau hoạt động nhóm hiệu quả hơn.

HOẠT ĐỘNG 4: TÌM HIỂU VỀ DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI CỦA ĐÔNG NAM Á (thời gian 10 phút)

1. Mục tiêu

- Nêu được đặc điểm về dân cư và xã hội của các nước ĐNA
- Phân tích được ảnh hưởng của dân cư tới sự phát triển kinh tế của khu vực.
- Rèn kỹ năng khai thác bản đồ, bảng số liệu

2. Nội dung

Học sinh làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi, xem video

3. Sản phẩm

Câu trả lời của học sinh

4. Tiến trình hoạt động

Nhiệm vụ 1

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

- Yêu cầu HS dựa vào SGK, bản đồ (hình 11.4), bảng số liệu (hình 11.1), hãy :

- + Nêu đặc điểm dân số và phân bố dân cư Đông Nam Á?
- + Những đặc điểm đó có thuận lợi và khó khăn gì đối với sự phát triển kinh tế xã hội?

Bước 2. thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ theo sự hướng dẫn và yêu cầu của giáo viên, có thể trao đổi với bạn bên cạnh.

Bước 3: Trao đổi, thảo luận

Đại diện một số HS trả lời và HS khác nhận xét và bổ sung.

Bước 4. GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS. GV chuẩn hóa kiến thức cho HS.

Nhiệm vụ 2

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Giáo viên chiếu video về văn hóa các nước Đông Nam Á, yêu cầu học sinh xem video, nêu các đặc điểm nổi bật về văn hóa Đông Nam Á

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ theo sự hướng dẫn và yêu cầu của giáo viên

Bước 3: Trao đổi, thảo luận

Học sinh trả lời, HS khác bổ sung

Bước 4. GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS. GV chuẩn hóa kiến thức cho HS.

II. DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI

1. Đặc điểm dân cư

- Dân số đông, năm 2020 là 668,4 triệu người.
 - Tốc độ gia tăng dân số đang có xu hướng giảm
 - Cơ cấu dân số trẻ
 - Phân bố dân cư không đồng đều. Mật độ dân số cao (148 người/km²)
 - Nhiều dân tộc
- =>Ảnh hưởng của dân cư tới phát triển kinh tế.
- Nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế
 - Chất lượng lao động còn hạn chế, xã hội chưa ổn định gây khó khăn cho tạo việc làm và phát triển kinh tế của nhiều quốc gia.
 - Nền văn hóa đa dạng

2. Xã hội

- Phong tục, tập quán, sinh hoạt văn hóa của người dân Đông Nam Á có nhiều nét tương đồng
- Đông Nam Á có sự xuất hiện của nhiều tôn giáo lớn
- Mức sống của người dân các nước trong khu vực và giữa các bộ phận dân cư trong một nước chênh lệch nhiều

C. LUYỆN TẬP (5 phút)

1. Mục tiêu

- Khắc sâu một số đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của khu vực.
- Đánh giá được ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên đến sự phát triển kinh tế

- Vận dụng kiến thức vừa học để giải thích những vấn đề liên quan đến bài học ở địa phương.

2. Nội dung: HS làm việc cá nhân

3. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

4. Tiến trình hoạt động

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Mỗi học sinh được lựa chọn 1 ô chữ. Học sinh đó trả lời sai, học sinh khác có quyền trả lời. hs nào có câu trả lời cho hàng dọc khi chưa mở hết các ô hàng ngang được 10 điểm



Câu 1: Quốc gia nào ở Đông Nam Á có dân số chủ yếu theo đạo hồi? In-đô-nê-xia

Câu 2: Thiên tai mà các nước Đông Nam Á thường xuyên phải hứng chịu? Bão

Câu 3: Sông dài nhất khu vực Đông Nam Á? Mê-Kông

Câu 4: Cơ cấu dân số đặc trưng của các nước Đông Nam Á là gì? Dân số trẻ

Câu 5: Liên minh khu vực được thiết lập bởi hầu hết các nước Đông Nam Á là? ASEAN

Câu 6: Đất nước quần đảo có diện tích nhỏ nhất Đông Nam Á? Xingapo

Từ khóa: **SEAGAMES**

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh tham gia trò chơi

Bước 3: Kết luận

Giáo viên nhận xét về tinh thần học tập của lớp, tổng kết

D. Vận dụng, mở rộng(3 phút)

1. Mục tiêu

- Giúp HS tìm hiểu các thông tin về tình hình xuất khẩu một số nông sản chủ yếu ở VN.
- Rèn luyện kỹ năng nhận xét biểu đồ, kỹ năng tra cứu và tổng hợp thông tin của HS.

2. Tiến trình hoạt động:

Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh về nhà

+ **Nhiệm vụ 1:** Sưu tầm thông tin về một số nông sản xuất khẩu chủ yếu của nước ta hiện nay: sản lượng gạo, sản lượng một số cây công nghiệp lâu năm như cao su, cà phê, điều, sản lượng thủy sản.

+ **Nhiệm vụ 2:** Dựa vào biểu đồ cơ cấu GDP của một số nước ĐNA trang 103 hãy nhận xét về xu hướng chuyển dịch cơ cấu GDP của một số nước ĐNA giai đoạn 1991-2004? Giải thích tại sao lại có sự chuyển dịch đó?

HS sẽ nộp và báo cáo kết quả trong tiết sau. GV kiểm tra sự chuẩn bị của một số em trong đầu tiết học sau. GV đánh giá nhận xét và cho điểm.

IV. RÚT KINH NGHIỆM